Tac gia : NGUYEN KIM HUY JJR 68

Việt Nam Sử Lược đối chiếu Triều Đại Trung Quốc

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên.
Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền .

PHONG KIỀU DẠ BẠC
Thơ Trương Kế (Zhang Ji)
đời Đường (Tang poem)

Trăng tàn sương phủ quạ kêu
Lửa chài, bến nước, dệt thêu mộng sầu
Cô Tô tĩnh mịch đêm thâu
Hàn San chuông điểm thuyền câu lặng lờ
Bản dịch **Vương Uyên**

Chùa **Hàn-Sơn (Hàn-Sơn-Tự)** ở thị trấn Cầu Phong (Phong Kiều) , phía tây ngoài tỉnh Tô Châu (Suzhou). Chùa được xây vào triều-đại nhà Lương (502-557), thời Nam Bắc triều ở Trung Quốc. Vào thời Đường - Dynastie Tang (618-907) , một vị sư nổi tiếng có tên là **Hàn-Sơn (Hanshan)** đã đến trụ trì và sửa sang lại ngôi chùa này và sau đó chùa được đặt tên là Hàn-sơn-Tự. Đây là 1 trong 10 ngôi chùa lừng danh của Trung Quốc. Bài thơ "Phong Kiều Dạ Bạc" (Đêm Neo Thuyền ở Cầu Phong, A Night Mooring by Maple Bridge) của Trương Kế rất là phổ thông và được quần chúng ưa chuộng.

Cây Phong là cây Erable.

"Cuộn nước trăm sông núi dựng đầy
Núi bầy thế trận xanh liền mây
Nao lòng chợt vọng ba hồi trống
Vững chí làm nên những tháng ngày
Sao Bắc đang quẩn quân hồ mạnh
Biển Đông đã tắt khói lan bay
Trời Nam muôn thuở non sông vững
Là lúc dùng văn dựng nước này".

Ta phải giữ gìn cẩn thận, đừng để cho ai lấy một phân núi, một tấc sông của đất nước'.

Vua Lê Thánh Tông (1442 - 1497)

Cảnh chiều Thiên Trường
Thơ vua Trần Nhân Tông (1258-1308) tả cảnh thôn quê Việt Nam.
Thôn hậu thôn tiền đạm tự yên
Bán vô bán hữu tịch dư biên
Mục đồng địch lý quy ngưu tận
Bạch lộ song song phi hạ điền

Trước xóm, sau thôn tựa khói lồng
Bóng chiều dường có lại dường không
Mục đồng sáo vẳng trâu về hết
Cò trắng từng đôi hạ xuống đồng

Chinese Dynasties Period Đời Histoire/Lịch sử Việt Nam et --> événements mondiaux contemporains

(Ngô Tất Tố dịch)

Prehistoric Times 1.7 million years -the 21st century BC

300000 à 500000 ans av. J.C.

Des vestiges du paléolithique au site de Núi-Đổ (province de Thanh Hoá) confirme la présence humaine au Việt-Narn

5000 av. J.C. Plusieurs cultures s'épanouissent à l'époque mésolithique à BắC SƠN et HÒA BÌNH

3 legendary Rulers San Hoang period (Tam hoàng)

Epoque légendaire en Chine des 3 Huang et 5 Di - thời Tam Hoàng - Ngủ Đế

Fu Xi Shi (2,953 – 2,852 B.C.) / **Phục Hi**

Shen Nong Shi | Also known as Yan Di (2,852 – 2,737 B.C.) – Thần Nông

Sui Ren Shi (2,737 – 2,697 B.C.)

Cang Jie/Chong Kit , ministre du roi Huang Di, inventa l'écriture chinoise, người tạo chữ Hán là **Thương Hiệt**

Khi nhắc đến chuyện xa xưa của sử Trung Hoa, người ta nhắc đến thời ông Bàn Cổ, sau đó là Tam Hoàng có Thiên Hoàng , Nhân Hoàng, Địa Hoàng ; kế tiếp đến Ngũ Long, Hữu Sào , Toại Nhân ; rồi đến Thần Nông , Phục Hi, Nữ Oa ; sau đó là Hoàng Đế , xong đến Nghiêu, Thuấn và Vũ. Người Việt chúng ta dựa theo truyền thuyết Họ Hồng Bàng , cho chúng ta thuộc dòng dõi Thần Nông. Người Trung Hoa thì nhận họ là con cháu của Hoàng Đế.

-->En Egypte, premières dynasties thinites (3150-2700 avant J.C)

--> vers 3000 av JC - Civilisation Sumérienne en Mésopotamie

--> vers 2560 av. JC Construction en Egypte de la grande pyramide de Khéops (IVe dynastie)

Tambours en bronze à l'époque Đồng Sơn

A l'âge du bronze, les hommes de Đồng Sơn sont austro-asiatiques comme le prouvent les fouilles à Đồng Sơn (Thanh Hóa, Việt-Nam). Leur culture prédomine en Asie du sud-est à l'aube de l'ère chrétienne. Ces hommes sont riziculteurs, chasseurs, marins et guerriers. Ils inhument leurs morts en position allongée dans de simples fosses avec des armes en bronze ou en pierre, des perles en terre cuite, de petits tambours en bronze et des objets provenant de la civilisation chinoise. Ils constituent le peuplement de l'Indochine avant l'arrivée de la civilisation indienne avec leurs tambours de bronze, leurs mégalithes et leurs fossés circulaires.Une poche austronésienne correspond à l'ancien Champa. Les austronésiens se propagent par des voies maritimes tandis que les austro-asiatiques le font par des voies terrestres.

Five mythical Emperors (Wu Di period / Ngủ Đế).

1. You Xiong (Huang Di): 2698-2599 B.C. (Yellow Emperor) - Hoàng Đế
2. Jin Tian (Shao Han): 2598-2515 B.C.
3. Gao Yang (Zhuan Xu): 2514-2437 B.C.
4. Gao Xin (Di Ku): 2436-2367 B.C.
5. Gao Xin (Di Zhi): 2366-2357 B.C.

Patriarchs

Tao Tang (Yao): 2357-2255 B.C. Nghiêu

You Yu (Shun): 2255-2205 B.C. Thuấn

Nói "trời Nghiêu đất Thuấn" là biểu tượng thiên hạ thái bình, xả hội an lac

Tên Việt Nam qua các triều đại (Appellations du Vietnamà travers ses dynasties)

2879 BC	Xích Quỷ/	đời Kinh Dương Vương
257 BC	Văn Lang	đời Hùng Vương / Hồng Bàng
257-207	Âu Lạc	đời An Dương Vương
207-11	Nam Việt	nhà Triệu sáng lập bởi Triệu Đà
3 BC-203 AD	Giao Chỉ	**Tây Hán - Trung Quốc đô hộ**
203-544	Giao Châu	**Đông Hán / Tam quốc - Trung Quốc đô hộ**
544-603	Văn Xuân	**bắc nam Triều - Trung Quốc đô hộ**
603-939	An Nam	**Đường - Trung Quốc đô hộ**
939	Đại Việt	Ngô Quyền
968-1054	Đại Cồ Việt	vua Đinh Tiên Hoàng
1054-1400	Đại Việt	nhà Lý & nhà Trần
1400-1407	Đại Ngu	nhà Hồ
1427-1802	Đại Việt	Triều đình Hậu Lê
1802	Việt Nam	vua Gia Long
1832	Đại Việt	vua Minh Mạng
avr-45	Việt Nam	

Xia Dynasty 21st -16th century BC **Hạ**

King Yu the Great 2205 -2197 B.C. Hạ Vủ (hoặc Đại Vủ) lập ra nhà Hạ

Shang Dynasty

La Chine des Shang possédait une culture avancée, quelque peu différente de la civilisation chinoise postérieure, avec une écriture, le travail du bronze et des chars, ce dernier suggérant l'influence possible des immigrants occidentaux apparentés aux Hittites et Indo-aryen contemporains. À cette époque, l'écriture, élaborée par les religieux, se composait alors de quelque 3000 signes idéographiques.

16th- 11th century BC **Thương (Đời vua Trụ (King You)- xem truyện Phong Thần (Fengshen yanyi)**

'--> En Egypte, 1279 av. J.C. an I du règne de Ramsès II, pharaon vers 25 ans.

Chinese Dynasties

Vua Thành Thang (Cheng Tang) diệt vua Kiệt (king Jieh) lập ra nhà Thương.
Selon « l'histoire de Zhou » dans l'Histoire des Six dynasties (ou de Guo Yu), Cheng Tang, en conformité avec la volonté du ciel, mena une croisade contre l'empereur GUI et ainsi mit fin à la dynastie de Xia.

Period

Première dynastie dont l'existence est avérée par l'Histoire, la dynastie Shang (XVIIIe-XIIe siècle av. J.-C.) contrôlait un territoire comprenant le Henan, le Hubei, le Shandong, une partie du Shanxi et du Shaanxi, et le nord de l'Anhui actuels. La capitale se trouvait à Yin, près d'Anyang. Les Shang furent renversés par les Zhou.

Đời

Zhou Dynasty

Under the Zhou, agriculture and commerce developed further, iron implements and metal coins came into use, cities grew up, and the philosophies of Confucius(Khổng Tử), Lao Zi(Laô Tử), Mencius(Mẫn Tử), and Taoism flowered.

Western Zhou (11th century BC -711 BC) **Tây Châu (Tây Chu)**
The các nhà Nho, nhà CHU có 3 Ông Thánh :
Văn Vương
Vỏ Vương (Cơ Phát, sửa khi diệt vua Trụ, lập ra nhà CHU)
Chu Công

Eastern Zhou **Đông Châu (Đông CHU)**

DYNASTIE ZHOU DE L' EST (-771 à-256) capitale Luoyang. En 771 av. J.C., une révolte paysanne chasse l'empereur Zhou de sa capitale. La cour se réfugie vers l'est et établit la nouvelle capitale à Luoyang, dans la province actuelle de Hénan d'aujourd'hui. A cause de cette rupture géographique, les historiens ont divisé la dynastie Zhou en deux périodes : Zhou de l' Ouest (1027 - 771 av. J.C.) et Zhou de l' Est (771 - 221 av. J.C.). Các sử gia Trung Hoa chia thời Đông Chu thành 2 thời nửa là Xuân Thu và Chiến quốc

-Spring and Autumn Period (770 BC -476 BC)) **Xuân Thu**
thời Xuân Thu, có 14 nước đáng kể là:
Tấn(Jin), Tần(Qin/Ch'in), Tề(Qi), Ngô(Wu), Việt(Yue), Sở(Chu), Lổ(Lu), Vệ(Wei/Wey), Yên(Yan), Tào(Ts'ao/Cao), Tống(Song), Trần(Chen), Thái(Ts'ai/Cai), Trịnh(Ch'en/Zheng)

Về kinh tế và xả hội, cuối thời Xuân Thu, người Trung Hoa đả biết nấu sắc, làm lưới cày bằng sắc, bỏ phân, làm 2 mùa, đào kinh, dẫn nước.

Zhou Dynasty

Histoire/Lich sử Việt Nam et --> événements mondiaux contemporains

Les plus vieux écrits divinatoires chinois ont été gravés sur des os et des carapaces de tortues, ver le 13ème siècle avant JC, sous la dynastie Shang (Oracle-bone scripts - guijia songu wenzi - Turtle-shell and animal-bone scripts)
C'est aux Shang qu'on doit les premiers pictogrammes chinois sur des vases en bronze.
-->Từ xưa, mỗi triều đại của Trung quốc đều có thay đổi Chính Sóc. Chính Sóc là ngày mùng 1 tháng Giêng.
La dynastie chinoise des XIA commençait l'année avec le mois du Tigre(Kến Dần), correspondant au 1er mois tibéto-mongol.
La dynastie SHANG commençait l'année avec le mois du Buffle(Kến Sưu), qui correspondait au 12ème mois tibéto-mongol.
La dynastie ZHOU commençait l'année avec le mois du Rat(Kến Tý), correspondant au 11ème mois tibéto-mongol.
La dynastie QIN commençait l'année avec le mois du Porc(Kến Hợi), correspondant au 10ème mois tibéto-mongol.
- Đến đời vua Võ Đế, triều nhà Hán, lấy trở lại Chính Sóc Kiến Dần của nhà Hạ, tức là lấy tháng Giêng là tháng Dần, và sử dụng từ thời đó đến ngày nay không thay đổi nữa.

Họ Hồng Bàng (2879-258 av JC)

Việt Nam tên là **Văn Lang (Ye-lang)**, lảnh thổ gồm Bắc Việt và ba tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh
1000 av. J.C. (L'âge de bronze) la civilisation Đồng Sơn est célèbre pour ses tambours en bronze (Trống Đồng).
1000 av. J.-C. - La civilisation de Đồng Sơn, apparue au Vietnam et dans le sud de la Chine, se répand en Indonésie.

Le mot Viêt (ou Yue en mandarin)était employé par la dynastie des Zhou (1050-249 avant J.C) pour désigner les territoires situés au sud de la Chine. (Nam Việt Quóc - Nan yue guo (le «royaume des Yue du Sud»)
*Parmi les groupes partageant la même culture de Bai Yue(Bách Việt, héritiers de la culture Hoà Bình) , on trouve les Yang Yue, les Nan Yue (Nam Việt), les Lu Yue, les Xi Ou, les Ou Yue, les Luo Yue (**Lạc Việt**), les Gan Yue, les Min Yue (Mân Việt), les Yi Yue, les Yue Shang etc Ils vivaient au sud du bassin du fleuve bleu , de Zhejiang (Triết Giang) jusqu'au Jiaozhi (Giao Chỉ)(le Nord du Việt-Nam d'aujourd'hui).*

Le royaume de Nanyue (dịch là Nam Việt) , créé par Zhao-Tuo/Triệu Đà, dont le nom signifiant littéralement "au sud des Yue" est à l'origine de celui du Viêt-Nam, occupait entre le IIè et le Ier siècle avant Jésus-Christ, un territoire couvrant les provinces actuelles du Guangdong (Quảng Đông), du Guangxi (Quảng Tây), l'île HaiNan (Hải Nam) et le royaume d'Ouluo (tức là Âu Lạc), l'ancien pays des Việt dont le roi était An Dương Vương, Selon les historiens, GuangXi, le Sud du Yunnan ainsi que le Nord Vietnam se trouvent sur le territoire de l'ancien pays Luo-Yue(Lạc Việt).
Dans les annales chinoises, on a rapporté qu'à la période des Printemps et Automnes (Xuân Thu), le roi Gou Jian (Câu Tiễn) du royaume Yue (disparu en 334 av. JC) s'intéressa à l'alliance qu'il aimerait contracter avec le royaume Văn Lang dans le but de maintenir la suprématie sur les autres principautés puissantes de la région. Il est probable que ce royaume de Văn Lang devait être un pays limitrophe de celui de Yuê de Gou Jian. Ainsi si le Vietnam de l'époque s'appellait Văn Lang, le pays Yue de Gou Jian , dans l'histoire de Câu Tiễn et Tây Thi, ne serait pas l'ancien pays du Vietnam.
Theo chữ 'Nho' , Việt (Yue) mang nghĩa: Vượt qua, quá độ (như trong 'siêu việt'), bao gồm bộ 'tẩu' có nghĩa dông, chạy, đi, 'di tản',
Còn theo tiếng Việt có hai từ: Việt (cho Việt Nam) và Vượt (động từ chỉ 'vượt qua'), nhưng tiếng Hán chỉ viết có một kiểu, một từ, một lối phát â
Theo các sử gia, dân Việt Nam xuất góc từ dân Nam Đảo và Nam Á(Austronésiens-Austroasiatiques) thời Đồng Sơn trước Công Nguyên, ngoài ra còn bà con họ hàn xa gần với dân Phúc Kiến, Triều Châu ở xứ Mân Việt (Min Yue), thuộc Bách Việt (Bai Yue - les 100 Yue).
(Người Lào cũng nói mình góc gác từ xứ Yue (Việt) mà họ gọi là Ai-Lao , lại nhận họ là con cháu vua Đại Vũ nhà Hạ).

--> En 753 avant JC Fondation de Rome
--> 582 avant JC- Nabuchodonosor,roi de Babylone , détruit le temple de Jérusalem
--> 563 - 483 av, JC vie et mort de Sakya-Muni (Siddharta/ Thích Ca Mâu Ni) en Inde.
*Buddhism was introduced into China in the later Han and had a massive impact on all aspects of Chinese life. The main repository of all branches of Buddhism scriptures writings is the **Tripitaka(Trois Canons bouddhiques - San zangjing,** sutra-vinaya-sâstra ou Abhidharma), the Buddhist scriptures were not only printed, they were also carved on stelae and on rocks (Ta-t'ung caves, Lung men Caves, south of Loyang). Buddhist carved inscriptions in caves on the Mountain of Stone scriptures near the temple of Yunzhu/Fangshan, 70 km southwest of Beijing. the collection numbers 14'278 stelae and took 1'000 years to carve (from the 7th century until the early Qing).The two most important collections of Tibetan Buddhist works are held at the Sakya monastery in Shigaze(Tibet) and the Yonglegong(Lama temple) in Beijing.*

Chinese Dynasties | Period | Đời | Histoire/Lịch sử Việt Nam et --> événements mondiaux contemporains

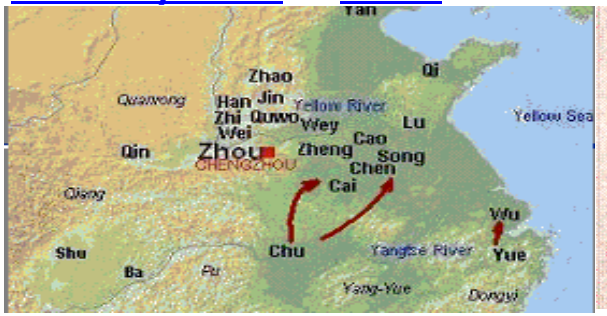

Alexandre le Grand

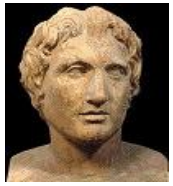

--> 539 avant J.C - Prise de Babylone (Irak actuel) par Cyrus roi de Perse
'--> Naissance de Confucius / Khổng Tử (551-479 BC -- K'ung-fu-tzu or Kongfuzi) sanh ở nước Lổ (état de Lu).

L'enseignement de Confucius reposait sur 6 livres: le Yi (mutations) - **Kinh Dịch**, le Che (les odes) - **Kinh Thi,** le Chou (les documents historiques) - **KInh Thư**, le Li-Ki (les rites) - **Kinh Lể**, le Yue (la musique) - **Kinh Nhạc** et le Tch'ouen-Ts'ieou (printemps et automne) - **Kinh Xuân Thu**. Les 6 ouvrages furent connus sous le nom des "6 livres canoniques" - Lục Kinh. Il n'en restera que 5 (Ngủ Kinh) après la disparition du Yue (Kinh Nhạc)

-Warring States Period (476 BC -221 BC (Royaumes combattants) — **Chiến Quốc / Zhang Guo (xem truyện Đông Châu Liệt Quốc)**

*-->326 avant J.C. : **Alexandre le Grand (** 356-323 BC) pénètre en Inde*

An Dương Vương, nhà Thục, (257-207 tr. Tây lịch) lập ra nước Âu Lạc, có công xây thành Cổ Loa

Triệu Đà (Zhao Tuo hay là Chao Tuo) diệt nhà Thục, lập nhà Triệu (207-111 av JC) xem truyện Trọng Thuỷ, Mỵ Châu và chiéc nỏ thần. In 204 B.C., the Kingdom of **Southern Yue or NanYue** was established, and Zhao Tuo made himself King Wu of that kingdom, choosing Guangzhou as his capital.

Qin Dynasty — 221 BC -206 BC — **Tần**

Après avoir unifié la Chine, Qin Shi Huangdi construit la grande muraille et uniformise l'écriture chinoise
(Qin Shi Huangdi / Tần Thủy Hoàng) gồm thâu lục quốc là xứ Hán(Han), Yên(Yan), Tề(Qi), Triệu(Zhao), Nguỵ(Wei), Sở(Chu), sau đó xây **Vạn Lý Trường Thành**

Han Dynasty — Western Han (206 BC -24 AD) — **Tây Hán**

Lưu Bang(Liu-Bang), sau khi diệt Sở Bá Vương (Xiang-Yu/Hạng Vỏ), lên làm vua , hiệu là Hán Cao Tổ (206 - 195 B.C)
xem truyện Hán Sở tranh hùng

Sous les Han antérieurs (206 av. J.-C.-9 apr. J.-C.), l'empereur Wudi (Hán Vủ Đế - 140-87 av. J.-C.) mena une politique d'expansion territoriale.

À l'issue de ses conquêtes, le territoire de l'empire atteignait quasiment la taille de la Chine actuelle, excepté le Tibet. La capitale était Chang'an (actuelle Xi'an), tức là Trường An .

Après l'intermède Xin (9-23 apr. J.-C.), les Han postérieurs (23-220) établirent leur capitale à Luoyang. Contrôlant la route de la Soie, les Chinois développèrent un commerce actif avec les peuples de l'Ouest.

Minée par des querelles gouvernementales incessantes, la dynastie chuta en 220 et l'empire se fragmenta en trois royaumes.

Au 2ème avant JC, Hán Vủ Đế (Wudi) souhaitant combattre les Huns (Xiongnu/Hung Nô), ordonna à **Zhangqian** de conclure des alliances avec les pays de l'Ouest. Zhangqian partit pour une aventure des plus fantastiques qui l'emmena bien au delà de la Grande Muraille. Il noua des relations avec une trentaine de royaumes dont Samarkand, Boukhara, la Perse et le royaume de Ferghana, l'actuel Ouzbékistan. La découverte à Ferghana d'une bonne race de chevaux qualifiés de 'célestes', armes puissantes contre les Xiongnu, allait lancer le départ de nombreuses caravanes pour se les procurer. Ce fut l'origine de la **route de la soie.**

Thời đại Bắc Thuộc (111 trước Công Nguyên-938 sau Công Nguyên)

--> 146 avant J.C. : Rome annexe les royaumes grecs descendant de l'empire d'Alexandre.
Le romain Scipion Emilien, petit-fils de Scipio Afrikanus, détruit Carthage

111 av. J.C. à 938 ap. J.C. Conquête du Việt-Nam par la Chine.
Thời kỳ Trung Quốc độ hộ Việt Nam

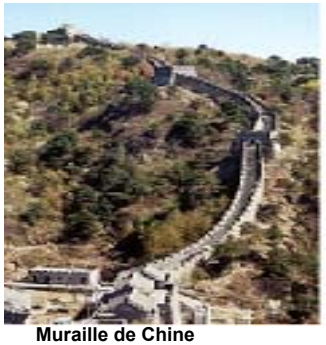

Muraille de Chine

Năm Canh Ngọ (111tr. Tây lịch) vua Vũ Đế nhà Hán sang đánh nhà Triệu, lấy nước Nam Việt, rồi cải là Giao Chỉ bộ, và chia ra làm 9 quận

Tư Mã Thiên (Sima Qian)

xem **Sử ký Tư Mã Thiên** về tư tưởng và lịch sử văn hóa Trung Hoa. **Shi Ji (Mémoires historiques) de Sima Qian** (Ssuma Ch'ien) 145-86 a.v JC

Sous l'impulsion chinoise, le Việt-Nam passe à l'âge de fer, introduit le cheval, ouvre la route des épices.
Les Chinois imposent leur écriture et leur civilisation

Eastern Han (25 -220) — **Đông Hán**

39- 43 ap. J. C. Révolte des deux soeurs TRƯNG(Zheng) écrasée par MA-YUAN (Mả Viện, đại tướng nhà Hán)
Mã Viện dựng cột đồng có sáu chữ "**Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt**":

Chinese Dynasties Period Đời

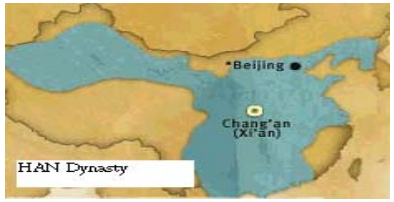

Histoire/Lich sử Việt Nam et --> événements mondiaux contemporains

Nam Việt bị Trung Hoa đổi thành **Giao Chi (Jiaozhi)**

Au temps des Han de l'Est, le Vietnam était divisé en 3 régions administratives, Jiaozhi (Giao Chỉ) dont la capitale se trouvait sur le site de l'actuelle Hanoi, Jiuzhen (Cửu Chân) située près de Thanh Hoá et Rinan (Nhật Nam) située près de Quảng Trị.

Lúc đó, Nước Chiêm Thành vốn là đất quận Nhật Nam, thuộc Giao Chỉ Bộ nhà Hán.

--> Auguste devient le 1er Empereur romain en 27 avant J-C

Auguste, 1er empereur romain

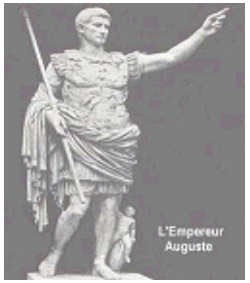

Three Kingdoms Period 220 -280 **Tam Quốc (bắc Ngụy, tây Thục, đông Ngô / Cao Wei (Ngụy), Sun Wu (Ngô) et Shu Han (Thục))**

xem truyện Tam Quốc Chí Sanguo Yanyi 三國演義 "The Three Kingdoms"by Luo Guanzhong

Zhuge Liang (181-234) (Ch'uko Liang, Kong Ming).: Khổng Minh Gia Cát Lượng
Liu Bei: Lưu Bị
Cao Cao : Tào Tháo
Guan Yu: Quang Vân Trường (Quan Công)
Zhang Fei : Trương Phi

221 - Lưu Bị làm hoàng đế Thục(Trung Hoa),quốc hiệu là Hán, đóng đô ở Thành đô(Chengdu), sau bị Ngụy tiêu diệt

Jin (Tsin) Dynasty Western Jin (265 -316) **Tây Tấn**
Eastern Jin (317- 420) **Đông Tấn**

Triều đại Tấn(Trung Hoa) lập ra bởi họ Tư Mả (họ Sima) , trước làm quan cho Tào Tháo, lúc Tam Quốc tranh quyền

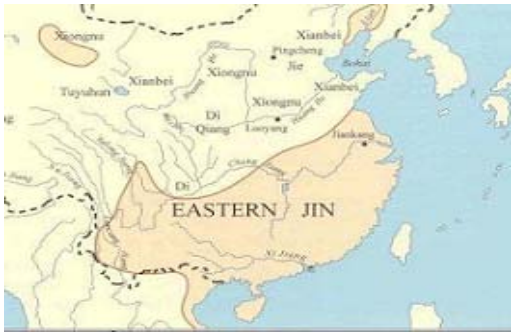

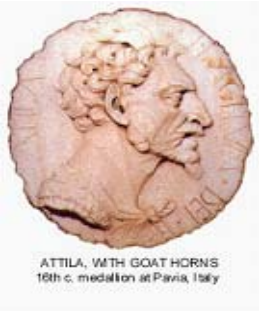

Giặc Hung-Nô: Hung-Nô là từ những bộ lạc du mục lúc trước thường gây hấn với triều đại Tần rồi tới Hán. Người Trung Hoa gọi là 'Xiongnu' or 'Hsiung-nu ', nghĩa là nô lệ dử tợn, còn nói chung là có 4 chủng tộc man rợ gọi là 'Rong' miền Tây('Xi' - Tây Nhung) và 'Di' là phía Bắc (Bei - Bắc Dịch),Man về miền Nam (Nam Man), Yi về miền Đông - Đông Di. The Four "Barbarians" (siyi四夷):
The general terms for Non-Chinese people are Di 狄 for "barbarians" in the north, Rong 戎 in the west, Man 蠻 in the south, and Yi 夷 in the east.
Tới năm 453, **Attila, thủ lãnh vĩ đại của người Hun** qua đời làm đế quốc Hung Nô tan rã . Xem truyện Chiêu Quân cống Hồ (bởi vua Hán Nguyên Đế). Nước Hồ còn được gọi là nước Hung Nô, Rợ Hồ (Rong) , nước Phiên. Còn **Mông Cổ** thì tới thời Gengis Khan (thành Cát Tu Hản) mới nghe nói tới.
C'est vers la fin du 4ème siècle apr. J.C. que les Huns (Hung-Nô) apparaissent dans le bassin de la Volga. Après avoir écrasé les Alains, ils s'installent entre ce fleuve et le Don, avant d'envahir le royaume ostrogoth implanté dans les plaines d'Ukraine . Les Chinois les mentionnent pour la première fois au III e siècle av. J.-C.
Les Huns ont fortement marqué l'imaginaire des peuples de l'Empire romain finissant, par le caractère particulièrement cruel de leurs exactions
La chronique a ainsi attribué à **Attila** le surnom de «fléau de Dieu».

Northern and Southern Dynasties

The principal invaders in the north were people known as the Xianbei, nomadic proto-Mongols, who established states in Gansu in the west and Hebei and Shandong in the east. The most notable of these northern tribes was the Toba (Tuoba) Turks who set up the Northern Wei dynasty with its capital first at Datong in northern Shanxi and later in Luoyang, the former capital of the Later Han.

Northern Dynasties (386 -581) **Bắc Triều**

Bắc Triều có năm triều đại: Bắc Ngụy/Northern Wei or TuoBa Wei (386-534), Đông Ngụy/Eastern Wei(534-550), Tây Ngụy/Western Wei (535-557), Bắc Tề /Northern Qi(550-577) và Bắc Chu /Northern Zhou(557-581);

Southern Dynasties (420 -589) **Nam Triều**

Nam Triều gồm bốn triều đại: Tống/Song(420-479), Tề/Qi (479-502), Lương/Liang (502-557) và Trần/Chen (557-589) đều đóng đô tại Kiến Khang/JianKang (Nam Kinh/Nanjing) thống trị toàn miền Nam Trung Hoa.

--> En 476 après J-C, le dernier empereur de Rome est chassé par un chef barbare Odoacre

l'Empire romain d'Orient subsiste et résiste à l'est. On parle alors de l'Empire Byzantin

'--> En 552 Introduction du bouddhisme au Japon par l'intermediaire d'ambassades coréennes.

Cộng đồng người Thượng trên cao nguyên miền Trung

Thượng là tên gọi chung những sắc dân sinh sống trên cao nguyên miền Trung Việt Nam. Dân số người Thượng hiện nay trên 1,6 triệu người (tương đương với 1,9% dân số toàn quốc), được chia thành 19 nhóm khác nhau, đông nhất là các nhóm Bahnar, Sedang, Hré, Mnong, Stieng thuộc ngữ hệ Môn Khmer (Nam á) và Djarai, Rhadé, Raglai thuộc ngữ hệ Malayo Polynésien (Nam Đảo). Địa bàn cư trú của người Thượng có hình giọt nước, rộng trên 60.000 cây số vuông, từ vừng rừng núi phía Tây các tỉnh đồng bằng duyên hải miền Trung (bắt đầu từ Quảng Bình xuống Đồng Nai) đến tận biên giới Lào và Kampuchea với các tỉnh Kontum, Gia Lai, Đắt Lắc, Lâm Đồng (gọi chung la Tây Nguyên) và chấm dứt trên những sườn đồi phía Nam dãy Trường Sơn trong các tỉnh Đồng Nai và Sông Bé. Mỗi nhóm Thượng sinh trú trong một địa bàn riêng biệt với những ngôn ngữ, phong tục, tập quán riêng. Mật độ dân số trung bình khoảng 30 người trên một cây số vuông; tỷ lệ tăng trưởng dân số trung bình là 2% một năm. Ngày nay người Thượng trở thành thiểu số trên chính quê hương của họ: 40% dân số trên Tây Nguyên.

Chinese Dynasties Period Đời

In the south a succession of dynasties known as the Six Dynasties developed in South China along and below the Yangzi River with most of them holding their capital at Nanjing. The southern regions were ruled by the Eastern Jin dynasty (317-420) which was founded by a member of the Jin imperial family, Sima Rui (Yuandi, 317-322).

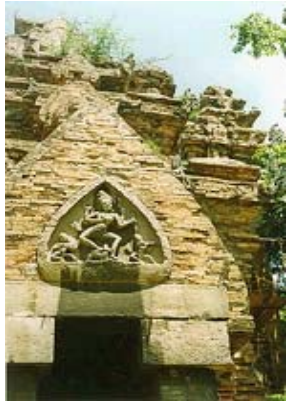

Sui Dynasty 581 -618 **Tùy**

Despite having a short lifetime, the Sui Dynasty accomplished many things. The Grand Canal was

Histoire/Lich sử Việt Nam et --> événements mondiaux contemporains

Nước Chân Lạp (royaume de CHEN-LA ou Chang-la):

Avec la conquête du Fou-nan par un roi de Tchen-la, nommé Bhavavarman I, vers le milieu du VI siècle, arriva l'ère du Chen-la. L'introduction du Mahayana reste le fait le plus remarquable de l'histoire religieuse du Chen-la.
(Le Fou-nan était établi au fond d'une grande baie, limitée à l'Est par le Lin-Yi (Champa) et à l'Ouest par l'Inde. L'écriture en usage était d'origine indienne. Le peuple pratiquait le Brahmanisme et le Bouddhisme et savait sculpter des statues de divinités en pierre ou en bronze.)

Vào khoảng thế kỷ thứ 5, Sài Gòn Gia Định là vị trí của hai nước nằm sát cạnh nhau: Thủ Nại và Bà Lị. Thời gian sau cả hai nước này đều bị nước Phù Nam kiêm tính và đặt kinh đô ở Vyâdhapura. Qua thế kỷ thứ 6 đến lượt nước Phù Nam lại bị thôn tính do Tiểu vương Kambuja ra đời, gọi là nước Chân Lạp hay Cao Miên. Dần dần ở lục Chân Lạp này còn có các dân tộc khác cũng đến giao thương như Mã Lai, Ấn Độ, Chăm. Năm 1623 vua Chân Lạp đã mau mắn gửi quốc thư hồi âm chấp thuận việc chúa Nguyễn muốn đặt trạm thu thuế tại Sài Gòn (Prinokor).
Sự việc này đã là một thực thể chính đáng cho chúa Nguyễn nhà Đại Việt với công trình khai hoang xứ Đàng Thổ.

Danh từ Đàng Trong đã được vào đến đây. Đàng Trong cứ gọi là Đàng Cựu. Khi ấy miền ác địa Thủy Chân Lạp vô chủ này, mặc nhiên được xem như vùng trái độn giữa hai biên giới Việt và Miên. Bởi vậy bất kỳ dân tộc nào có gan dạ, có sức, có lực... ai ai muốn đến chiếm cư khai phá vùng này lấy đất trồng trọt sinh sống đều được tự do, không hề bị một ngăn cản cấm đoán nào cả.
'Từ thời Đại Việt, miền Bắc từ Quảng Bình trở ra gọi là Bắc Hà hay xứ Đàng Ngoài, từ Thuận Quảng trở vào Nam gọi là Nam Hà hay là Xứ Đàng Trong.
Mọi sắc tộc đến đây ngày đó đều có quá trình từng nhóm, trước hết là người bản thổ (Chân Lạp) tức người Khơme. Sau hết là người Trung Hoa. Đây là số di thần nhà Minh bất mãn với nhà Thanh. Năm 1679 hai tướng Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên tức Trần Thắng Tài đã dùng 50 thuyền chiến vượt biển di tản cùng 3.000 người thân tộc và cận vệ. Họ cập bờ Tư Dung (miền kinh đô Thuận Hóa) họ ra dấu xin tị nạn vào đất Việt. Trước thế cùng lực tận, họ được chúa Nguyễn chấp thuận cho phép nhập cư.

Chân Lạp, nguyên trước là nước **Phù Nam (Fu Nan)** một quốc gia hùng mạnh theo văn minh Ấn Độ, lãnh thổ rộng lớn bao gồm ngoài Cao Miên và Nam Việt ngày nay, còn có thêm Hạ Lào và một phần miền đông biên giới Xiêm La.
Vào giữa thế kỷ thứ 6, người Chân Lạp (Kambuja, tổ tiên người Khmer sau này) nổi lên chiếm nước, lần lần thay thế địa vị Phù Nam làm bá chủ vùng tây nam Ấn Độ Chi Na; định đô ở Angkor. Sau ngày Jayawarman mất, nội bộ Chân Lạp chia rẽ vì tranh giành ngôi vua. Đến đầu thế kỷ thứ 8, Chân Lạp chia thành hai nước: Lục Chân Lạp (Cambhupura) và Thủy Chân Lạp (Viadhapura, Nam Việt sau này). Một thế kỷ sau hợp nhất lại; nước Chân Lạp thống nhất mở đầu giai đoạn thịnh trị của đế quốc Khmer cho đến giữa thế kỷ 15.
Kéo dài chiến tranh với Chiêm Thành trên một thế kỷ, tiếp đến đụng độ với Đàng Trong, nội bộ xâu xé chia rẽ, lúc ngả theo Xiêm La, lúc theo về các chúa Nguyễn Đàng Trong, đất nước Chân Lạp-Cao Miên biến thành bãi chiến trường hai nước Xiêm La và Đại Việt Đàng Trong. Từ quốc hiệu Phù Nam đến Chân Lạp đổi thành Cao Miên đầu thế kỷ 18, nước Cao Miên suy yếu dần cho đến khi trở thành thuộc quốc của Việt Nam vào cuối thế kỷ 18.

--> 570 après J.C. - Naissance de Mahomet , cinq ans après la mort de Justinien, le dernier des grands empereurs romains.

VIe siècle Introduction du bouddhisme au Việt Nam. Hà Nội s'appelle Đại La. Soulèvement de Lý Bôn (Lý Nam Đế (544-548))
nhà Tuỳ (589-617) thôn tính Giao Châu, chia thành 3 quận: Giao Chỉ (Bắc Bộ), Cửu Chân (Thanh Hoá), Nhật Nam (Nghệ Tĩnh).

Nước ta vào 563, lại một lần nữa bị nội thuộc hết nhà Tuỳ đến nhà Đường (từ năm 603 đến năm 906) cộng 304 năm.

Chinese Dynasties

things. The Grand Canal was extended north from Hangzhou across the Yangzi to Yangzhou and then northwest to the region of Louyang. The internal administration also improved during this time, which is evident by several things; the building of granaries around the capitals, the fortification of the Great Wall along the northern borders, the reconstruction of the two capitals near the Yellow River, and building of another capital in Yangchow. Confucianism also began to regain popularity, as the nobles gained importance.

Period

Empire arabe

Đời

Histoire/Lich sử Viêt Nam et --> événements mondiaux contemporains

--> ***610 - 762 Expansion de l'empire arabe***

En l'espace d'un siècle, les Arabes se sont rendus maîtres d'un immense empire; ils ont reconstitué l'œuvre d'Alexandre le Grand en réunissant sous une même bannière les territoires de l'Orient perse, du Proche-Orient gréco-sémitique et du Bassin méditerranéen.La victoire de Qadisiyya sur les Perses sassanides en 637 entraîne l'effondrement de l'Empire perse sassanide. En 716, en Espagne, une nouvelle province musulmane, al-Andalous (l'Andalousie), est constituée.

Người Á Rập theo đường buôn bán Đường Tơ Lụa (route de la soie), vì bị cản trở chiến tranh giữa đế quốc Byzantin và đế quốc Batư (Perse) phải vòng xuống phía Bắc Phi-Châu, và sau đó chiếm luôn các đồn quân đế quốc Byzantin.

Đạo Hồi Giáo cùng lan tràn theo miền Bắc Phi-Châu.

Les plus vieux écrits connus en langue et écriture arabe remontent au VIème siècle. Ils ont été trouvés dans la vallée de la Mésopotamie (en Syrie).

Empire monumental, le royaume des Omeyyades, des Haroun-Al-Rachid s'étend de l'Atlantique à l'Indus.. englobant la partie orientale de l'empire romain et l'intégralité de celui des Parthes / perses.

De Bactres à Cordoue un seul homme allait étendre son autorité sur l'ensemble des grandes voies de communications de l'antiquité : Mahomet, le prince des croyants.

Parti de Médine et de la Mecque Mahomet lance ses guerriers à l'assaut de la péninsule arabique.

Zone désertique, l'Arabie est divisée entre des royaumes chrétiens, païens et juifs,

les uns après les autres ils vont être intégrés à la nouvelle entité naissante.

La Kaaba, la pierre sacrée des cultes sémitiques d'Arabie devient le symbole même de l'Islam.

Tang Dynasty 618 -907 **Đường**

--> nhà Tùy bị nhà Đường diệt; Việt Nam lúc đó là An Nam đô hộ phủ

Période de sinisation du bouddhisme

(xem truyện Tây Du Ký - Tam Tạng đi thỉnh kinh)

630-700 Expansion en Asie Centrale, Mongolie, Corée
692 - Développement du système des examens
751 - Victoire des Arabes à Talas (près d'Alma-Ata)
764 - Premiers impôts sur les récoltes
806-820 - Premiers billets à ordre
868 - Premier livre imprimé
902-960 - Morcellement de l'Empire

trong suốt ba thế kỷ nhà Đường thống trị, nhân dân vẫn không ngừng nổi dậy giành độc lập. Đã có nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra: Lý Tự Tiên, Đinh Kiến (687), Mai Thúc Loan (722), Phùng Hưng (766-791), Dương Thanh (819-820)....

Dynastie TANG

628 - Trung Hoa thống nhất
627-649: Đời Đường Thái Tông thái bình thịnh trị nhờ chính sách chế độ quân điền, giảm bớt lao dịch, hạn chế lảng phí, giảm lệ hình phạt, quan chính thanh liêm, nền kinh tế được ổn định. Đời này nhiều chinh phạt (phía Bắc và Cao Ly), nên thành lập một đế quốc rộng lớn vào bậc nhất đương thời. Cuối đời Đường suy yếu và bị loạn nông dân.
In 751, Islamic armies defeated Chinese in central Asia, cutting China's route to India and the West. The Muslims replaced the Chinese as the dominate influence along the Silk Road, and tribal nations on China's borders grew in power.
The closing of the Central Asia routes by Arabs and Tibets in the 10th century, along with the persecutions of the 9th century(under Wu Tsung/Vỏ Tôn), ended the great age of Buddhism in China.

Nước Chăm (Royaume de Champa /Tchan-tcheng)

Champa fut crée en l'an 192, pendant le démembrement de la dynastie Han de Chine, lorsque le fonctionnaire Han chargé de la région a établi son propre empire autour de l'actuelle ville de Hue. Le territoire était initialement habité surtout par des tribus constamment en lutte avec les colonies chinoises du Tonkin. Il est graduellement tombé sous l'influence culturelle indienne, évoluant en un pays décentralisé composé de quatre petits états, nommés d'après des régions de l'Inde, Amaravati (Quảng Nam), Vijaya (Bình Dinh), Kauthara (Nha Trang), et Panduranga (Phan Rang).
Chiêm Thành était connu autrefois sous le nom "Lâm Ấp" (ou Lin Yi /Linyi), puis Chiêm-Thành (ou Tchan-Tcheng en chinois) .
Suốt hơn 12 thế kỷ tồn tại ,người Chăm hoặc Chiêm thành (royaume de Champa) liên tục lấy các tôn giáo Ấn Độ làm tôn giáo của mình. (Bà-La-Môn giáo (Brahmanism), Brahma là Thần Sáng tạo, Civa là Thần Tranh đấu, Vishnu là Thần Bảo tồn. Trimurti hindoue : Brahmâ, le créateur, Vishnou le conservateur et Shiva le transformateur (Son épouse Kâlî est la divinité du bien et du mal.).
Les trinités religieuses représentent les trois énergies éternelles de la nature.
AUM : Syllabe sacrée, essence de tous les sons. **A : Brahmâ, U : Vishnou, M : Shiva.** (Krishna: avatar de Vishnou).
Les quatre livres sacrés des Hindous sont le Rig Veda, le Mahâ Bhârata, le Râmâyana et les Upanishads.
Ces textes sont présentés comme étant une révélation de Brahmâ ;
ils ont été écrits en sanscrit à partir de 1800 avant notre ère - le mot Véda se traduit par "voir ou science".
En 1145 les khmers, sous le leadership agressif de Suryavarman II, ont envahi et conquis Champa.
1697 - Chiêm Thành mất hẳng dưới thời chúa Nguyễn.

Champa là tên một loài hoa màu trắng hồng nhạt, hay trắng vàng nhạt, có hương thơm ngào ngạt có thể tìm thấy tại khắp nơi trên duyên hải miền Trung. Người Việt gọi là hoa sứ, tên khoa học là Michelia Champaca Linn.

Chinese Dynasties

La période la plus prestigieuse de la dynastie Tang fut, pour les Chinois, le règne de Xuanzong / Huyền tông (712-756), également connu sous le nom de Minghuang (Đường Minh Hoàng). **Dưới đời nhà Đường, ảnh hưởng Trung Hoa lan rộng sang Triều Tiên và Nhật Bản .**

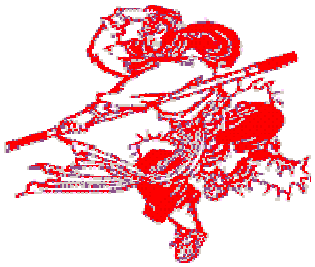

Period

Đời

Đặc biệt nhà Đường có một vị nử hoàng là Vủ Tấc Thiên (Wu Zetian - 690-705), đây là nử hoàng duy nhất của các triều đại Trung Hoa (ngoài ra Từ Hi Thái Hậu) đời Mản Thanh.
Il y a eu 243 empereurs durant les 2 000 ans s'écoulant de la dynastie des Qin (221 av. J.-C.) à la fin de la dynastie des Qing (1911), et Wu Zetian a été la seule impératrice. Wu Zetian est la personnalité la plus légendaire et la plus controversée de l'histoire chinoise.

Tây Du Ký ou le Pèlerinage vers l'Occident (Da Tang Xi Jou Ji) est l'histoire du bonze Xuan Zhang (Huyền Trang), qui partit réellement en 629 Pour l'Inde, en quête de l'essence du bouddhisme. Le voyage lui prit 17 ans. Quand il revint à Chang'An (Trường An), alors capitale des Tang et aujourd'hui appelée Xian, il ramena avec lui plus de 600 volumes de soutras en sanscrit.
Sun WuKong: Tôn Ngộ Không / Tề thiên Đại Thánh.
L'auteur du roman, Wu Cheng'en (1510-1582) a vécu sous la dynastie Ming.

Histoire/Lich sử Việt Nam et --> événements mondiaux contemporains

các truyện Thuyết Đường. Chinh Đông, Chinh Tây và Tàn Đường nói về nhà Đường.
Thơ Đường là một thành tựu lớn nhất của mấy nghìn năm lịch sử Văn học Trung Quốc. Bộ **Toàn Đường Thi (Quan TangShi)** ấn hành vào năm 1707 chia làm 30 tập, gồm 900 quyển, với 49.800 bài của hơn 2200 thi sĩ đời Đường .

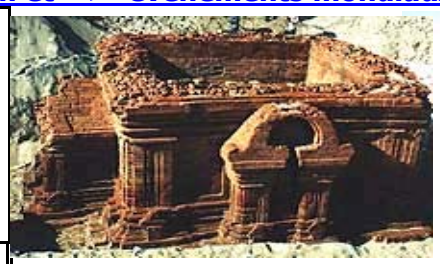

Xem truyện Dương Quý Phi và Đường Minh Hoàng.
Tứ đại mỹ nhân Trung Hoa :
. Xi Shi (Tây Thi) Thời Xuân Thu
. Wang Zhaojun (Chiêu Quân - Vua Hán Nguyên Đế đem cống rợ Hồ)
. Diao Chan - Điêu Thuyền - xem truyện Lử Bố và Điêu Thuyền thờI Tam Quốc
. Yang Guifei - Dương Quý Phi đời Đường

Le site de **Mỷ Sơn,** autrefois centre religieux du royaume de Champa, fut construit sous le règne de Bhadravarman, au IVème siècle après JC. Il a été reconnu patrìmoine de l'humanité par l'UNESCO en 2000. Ce site restait occupé jusqu'au 13ème siècle.

Five Dynasties and Ten States (Thời kỳ naỳ loạn lạc)

5 triều đại là Hậu Lương (907 - 923), Hậu Đường (923 - 935), Hậu Tấn (936 - 947), Hậu Hán (947 - 950), Hậu Chu (951 - 960).

Ngủ Đại / Ngủ Quý và Thập Quốc

9 nước là Tiền Thục/former Shu (907 - 925) , Ngô Việt/Wu Yue (907 - 978), Mân/Min (909 - 945), Ngô/Wu (919 -937), Nam Hán/Southern Han (917 - 971), Nam Bình/Jingnan (925 - 978), Sở/Chu (927 - 951), Hậu Thục/Later Shu (934 - 965), Nam Đường/Southern Tang (937 - 975), cộng với nước Bắc Hán/Northern Han (951 - 979) ở miền Bắc là 10 nước. vì vậy thời kỳ lịch sử này gọi chung là thời kỳ Ngũ đại thập quốc.

Five Dynasties — **Ngủ Đại**

- Later Liang (907 -923) — **Hậu Lương**
- Later Tang (923- 936) — **Hậu Đường**

The north was continually ravaged by warfare during this time as they were

Ảnh hưởng đạo Hồi Giáo (Islam) ở Châu Á:

L'Islam apparaît déjà dès le 9ème siècle à GuangZhou en Chine.
Si des marchands musulmans eurent sans doute des contacts sporadiques en Indonésie à partir du Xe siècle, ce n'est qu'au XIIIe siècle que l'islam s'établit à Sumatra, où de petits États musulmans se constituèrent sur la côte nord-est. L'islam finit par gagner Java au XVIe siècle, puis se diffusa, généralement de façon pacifique, des zones côtières vers l'intérieur des terres, en tous les points de l'archipel indonésien. Au XIXe siècle, il avait atteint le nord-est et gagné les Philippines. Ce sont des marchands arabes qui, à partir du 15ème siècle, ont contribué à la propagation de l'Islam en Indonésie; eux mêmes étaient fortement influencés par le Soufisme, ne prêchant donc pas l'observance stricte de règles irréfutables, mais recherchant plutôt une relation spirituelle et individuelle avec le Créateur. De nos jours, les musulmans représentent environ 85 % de la population indonésienne.
Les **«cinq piliers» de l'islam** sont: le **chahada**, la profession de foi en Dieu et en la mission de Mahomet;
la **salaat**, prière rituelle accomplie cinq fois par jour en se tournant vers La Mecque; le **zakaat**, don de l'aumône dans des proportions prescrites;le **sawm**, jeûne pratiqué dans la journée lors du mois du ramadan; le **hadj,** pèlerinage à La Mecque, obligatoire pour chaque croyant capable financièrement et physiquement de l'accomplir.
Trois livres essentiels de l'Islam: Le **Coran** (Préceptes moraux-Sourates), la **Sunna** (Récits sur Mahomet) et le **Charia** (Lois).
L'Islam se divise en 2 grandes familles: Les Sunnites(90% de la population musulmane et les Chi'ites(10%).

Royaume Khmer [802-1432](Cambodge)

La civilisation khmère s'est développée en plusieurs périodes distinctes. La première, marquée par les petits royaumes décentralisés Indo-Bouddhistes de Funan et Chenla; a commencé au 1er siècle et s'est étendue jusqu'au 8ème siècle.
Au début du 9ème, Jayavarman II a fondé la dynastie qui a fini par s'établir à Angkor au début du 10ème siècle. Cette époque a été appelée la période classique de la civilisation khmer (802-1432).
Les successeurs de Jayavarman ont construit de grands monuments architecturaux à Angkor. Le pouvoir de l'empire khmer a culminé au 12ème siècle sous Suryavarman II, qui a construit le complexe templier d'**Angkor Wat.**

NGÔ-QUYỀN thắng trận Bạch-Đăng

Thời Đại độc lập

Chinese Dynasties

warfare during this time as they were attacked time and again by the Khitans and the Turks. Conversely, the south enjoyed a time of peace, economic prosperity, and cultural growth. Buddhism experienced a sharp decline during this period.

Song Dynasty

In order to maintain peace with the Khitans, the Song were forced to pay them annual tributes.

Liao Dynasty

triều Liêu thuộc dân Mông Cổ (The name of 'Cathay', instead of China, derived from Kitai, namely the Khitans of Mongolia who had expelled Kirghiz Turks from Mongolia in AD 924 and founded the Liao Dynasty (AD 916-1124) in northern China/Manchuria.)

the Khitans are related to the Tatars, who are a broad mix of Slav, Mongol, Turk and Finnish ethnics.

Period

- Later Jin (936 -946)
- Later Han (947 -951)
- Later Zhou (951 -960)

Ten States (902- 979)

Northern Song (960- 1127)

thái tổ nhà Tống là Triệu Khuông Dẫn (Zhao Kuangyin)

Southern Song (1127- 1279)

De nombreuses inventions datent de cette époque : la boussole, la poudre, l'imprimerie à caractères mobiles, des instruments d'astronomie, des bateaux à voile..et le papier-monnaie. Dans le domaine philosophique, la montée d'un courant de pensée néo-confucéenne coïncide avec le déclin du bouddhisme et du taoïsme qui s'amorce en Chine. Đặc biệt dưới triều Tống, mở mang thương mại đường biển.
Moins puissante que la dynastie Tang, celle des Song doit partager le territoire chinois avec deux autres états :
- Liao (907 - 1125) au Nord Est
- XiXia de l'Ouest au Nord Ouest.

Epanouissement de la vie culturelle et artistique en Chine sous la dynastie des Song.

916 ---1125

Le peuple mongol fait parler de lui : les Khitan (Khiết Đan) ou Khitaï ont envahi la Chine du Nord et fondé la dynastie Leao ou Liao (907-1125)
En 1125, les Jürchen (Protomandchous) s'étaient emparés du nord de la Chine, mettant fin à la dynastie des Song du Nord. Les Song se replièrent et établirent leur capitale à Hangzhou(Zhejiang), en 1127. Lãnh thổ của nhà Liêu rộng gần khắp miền Bắc Trung Hoa trong đó có cả Youzhou mà ngày nay là Bắc Kinh

Đời

Hậu Tấn

Hậu Hán

Hậu Chu

Thập Quốc

Bắc Tống

Nam Tống

triều Liêu.

Histoire/Lich sử Việt Nam et --> événements mondiaux contemporains

Nhà Ngô (938-965)

939 Fin de la domination chinoise. NGÔ-QUYỀN vainquit l'envahisseur (première victoire navale de Bạch Đằng (938)

Thập Nhị Sứ Quân (966-968) 2 năm

Nhà Đinh (968-980)

Đinh Tiên Hoàng

Năm 965, **Đinh Bộ Lĩnh** đã dẹp yên được các sứ quân trong vùng rồi tự xưng là Vạn Thắng vương. Năm 968, ông lên ngôi vua, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, tôn hiệu là Đại Thắng Minh, đóng đô ở Hoa Lư (huyện Gia Viễn, Hà Nam Ninh).
Đinh Tiên Hoàng có công thống nhất đất nước về một mối.

Chữ Nôm.

Chữ Nôm là một lối chữ mượn ở chữ Nho rồi ghép thêm một chữ làm thanh phù mà tạo thành, đọc theo tiếng mẹ đẻ (tiếng Việt). Đó là óc sáng tạo đặc thù của người Việt đối kháng lại với mọi áp lực đồng hóa của người phương Bắc. Chữ Nôm có từ thời nào? Có thuyết cho rằng từ thời Sỹ Nhiếp làm Thái thú Giao Chỉ (187-226), một Thái thú "học vấn uyên bác", Từ thời Lý thế kỷ thứ XI đến đời Trần thế kỷ XIV thì hệ thống chữ Nôm mới thực sự hoàn chỉnh. Chữ Nôm là một thành tựu rất to lớn của dân tộc Việt trước khi có chữ Quốc ngữ. **Nguyễn Trường Tộ** (1828-1871) gọi là "Quốc âm Hán tự", ông đề nghị triều đình Huế soạn thảo và ấn hành bộ tự điển Nôm cũng như sử dụng chữ Nôm trong các loại công văn của chính phủ

(xem truyện Thủy Hử (Shuihuzhuan) của Thị Nại Am (Au bord de l'Eau de Shi Nai'an) , và Nhạc Phi nói về nhà Tống)

NhàTiền Lê (980-1009) vua Đại Hành /cựu tướng Lê Hoàn của nhà Đinh, đánh Chiêm thành

Nhà Lý (1010-1225)

Ca dao Việt Nam

Ca-dao Việt-Nam là một thể loại văn-chương bình dân đại chúng, phần nhiều không dài, thường chỉ cần hai câu lục bát cũng đủ nói lên điều thiết yếu.
Không rõ bắt đầu từ thời nào, ai là kẻ xướng xuất, thể này thông dụng khắp bờ cõi, từ ải Nam quan đến mũi Cà-Mâu, có thể từ thời Hùng Vương mở nước, từ khi có tiếng nói... đến mãi bây giờ và chắc chắn còn kéo dài về sau, không hẹn mà cùng nhau, những kẻ tao nhân mặc khách, hàng dân giả đa tình mở miệng thành vần, buông lời hợp điệu tạo ra những câu lục bát tả tình tả cảnh, nêu lên những hình ảnh để gửi gấm tâm sự, ước mơ, tràn lan trong không gian và thời gian

đời Lý là một giai đoạn phát triển rực rỡ của nền văn hóa dân tộc.

(1070) VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM

Temple de la Littérature

Lý Thái Tổ 1010-1028 (Lý Công Uẩn, dời đô về Thăng Long, lúc đó đạo Phật thịnh hành
Lý Thái Tông 1028-1054 (Bộ luật đầu tiên của nước ta được viết ra dưới triều Lý Thái Tông (1042). bộ Hình thư)
Lý Thánh Tông 1054-1072 đặt quốc hiệu là Đại Việt.

Năm 1070, Lý Thánh Tông cho dựng Văn miếu (thờ Khổng Tử, Chu Tử và 72 vị tiền hiền) và mở Quốc Tử Giám.
Nền đại học Việt Nam bắt đầu từ đấy.

Năm 1069, Lý Thánh Tông đem 5 vạn binh đi đánh Chiêm Thành

Lý Nhân Tông 1072-1127

Lý Thường Kiệt(1019-1105) đánh thắng quân nhà Tống xâm lăng năm 1076-1077

--> 1ère croisade chrétienne en Orient : 1098 - 1099

Lý thường Kiệt

Chinese Dynasties	Period	Đời	Histoire/Lịch sử Việt Nam et --> événements mondiaux contemporains

Jin (Kin) Dynasty

triều Kim thuộc dân Mản Châu (The Jurchens, ancestors of the later Manchu, would defeat the Kitans in a seven-year war (AD 1115-1122) by means of an alliance with Northern Song Chinese.)

1115 ---1234

Le nord de la Chine est depuis 1125 passé aux mains de la dynastie Jin (ou Kin), qui appartient au peuple des Toungouses, tribu des Djürtchet. Le sud est aux mains des Chinois Song et le nord-est aux mains d'un peuple tibétain : les Si-hia ou Xixia également appelés Tangut.
Les Mongols renversent les Jin (dynastie djurtchète du Nord) en 1234, puis les Song du Sud en 1276-1280.

triều Kim

The Jin rulers adopted a positive attitude towards the Han culture. Chinese, Khitan and Jurchen script were used simultaneously, although later, the Khitan script was abolished so as to encourage the popular use of Chinese calligraphy The Jin Dynasty made an important contribution to the field of art. They had inherited the characteristics of Liao architecture and absorbed that of the Song. One of the finest examples of their architecture is the multi-arched stone bridge Lugou (completed at Beijing between 1188 and 1192).

Lý Thần Tông 1127-1138

Chùa Một Cột (1049) cất dưới thời Lý Thái Tông

Lý Anh Tông 1138-1175

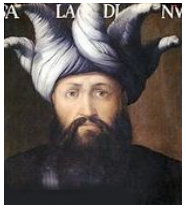

-->1155 - Naissance de Temüdjin(Thiết Mộc Chân), futur Gengis Khan (Thành Cát Tư Hản)

Salah-Al-Din ibn Ayyub (ou Saladin 1er)

Lý Cao Tông 1176-1210

*--> 1187 - Prise de Jérusalem par Saladin le magnifique (**Salah-Al-Din)** qui instaure le règne des Ayyoubides ne Egypte et en Syrie*

--> 1192 - occupation de l'Inde du nord par les musulmans.

--> Delhi devient la capitale de l'Empire musulman indépendant de l'Inde

Lý Huệ Tông 1211-1225

Lý Chiêu Hoàng 1225 là Chiêu Thánh Công Chúa, sau truyền ngôi cho chồng, lập ra nhà Trần

Nhà Trần 1225 - 1400

1225- 1400 Epoque des TRẦN - Le Confucianisme remplace le Bouddhisme comme idéologie d'état.

--> Mort le 18 août 1227, Gengis Khan laisse à son fils Ogodai le soin d'étendre les conquêtes vers la Perse, la Chine et aussi bien l'Ukraine et la Hongrie.

-->1258 - Prise de Bagdad par les Mongols.

Trần Hưng Đạo

Yuan Dynasty

triều Nguyên thuộc dân Mông Cổ

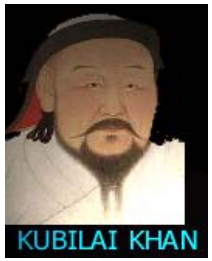

1271 ---1368

Gengis Khan (Thành Cát Tư Hản) et ses Mongols bleus franchissent en 1214 la Grande Muraille. L'année suivante, ils s'emparent de Pékin.

En 1279, Kubilaï Khan (Hốt Tất Liệt) fait passer la Chine du Sud sous sa domination, créant ainsi le plus vaste empire que le monde ait jamais connu.

Nguyên (Mông Cổ)

--> 1275 - Marco Polo ("Le livre des merveilles") atteint la cour de Koubilaï Khan et devient un haut fonctionnaire de la dynastie Yuan

1284-1285 Trần Hưng Đạo, Phạm Ngủ Lảo.. 2 lần chiến thắng đại quân của Thoát Hoan, Ô Mả Nhi - Mông Cổ (Trận Bạch Đằng 1288)
L'empereur mongol Kubilai Khan envoie Tuohoan, nommé roi du Zhennan (Trấn Nam Vương Thoát Hoan), conquérir le Vietnam. Tuohoan sera battu à 2 reprises par Trần Hưng Đạo.

Chinese Dynasties

Gengis Khan

La Chine émerge comme puissance maritime, à la fois commerciale et militaire, depuis la dynastie Song. Sous la dynastie Yuan, la Chine dispose d'une importante flotte de mer de plusieurs milliers de navires. L'invasion du Japon par deux flottes mongoles sera soldée cependant par un échec, à cause des typhons.

Period

Les discriminations exercées envers les Chinois tant sur le plan social que religieux (les religions nouvelles (islam et lamaisme) sont favorisées par les Yuan) provoqueront la révolte des chinois et entraineront la chute des Yuan.
La dynastie mongole des Yuan a été emportée en une quinzaine d'années suite à l'action souterraine d'une secte bouddhiste, le Lotus blanc, dans la région méridionale de Canton. Au milieu du 13è siècle ,le Tibet fut officiellement incorporé au territoire chinois sous la dynastie des Yuan.
Under the Yuan dynasty, an intensive exodus of Chinese people to the southern sea also lead to the first foundations of Chinese communities in South East Asia, in Vietnam and later Singapur.

Đời

Histoire/Lich sử Việt Nam et --> événements mondiaux contemporains

Empire mongol

Văn học thời Trần rất thịnh. Đời này có nhiều nhân tài như Lê Văn Hưu đã soạn bộ Đại Việt Sử Kí rất có giá trị; Mạc Đĩnh Chi, nhà văn học lỗi lạc, nổi tiếng trong việc ngoại giao với nhà Nguyên của Tàu; Chu An, nhà văn học tài ba nêu gương thanh khiết và cương trực; Nguyễn Thuyên có công xây dựng nền tảng cho văn Nôm.
Trần Quốc Tuấn soạn "Hịch Tướng Sĩ" được đời truyền tụng. Các vua nhà Trần đều có soạn Ngự Tập.

Võ công thời Trần rất hiển hách, đã tạo được một võ nghiệp oanh liệt trong lịch sử thế giới, là đánh bại đoàn quân bách thắng Mông Cổ.

--> 1291 - Echec de la 9ème et dernière croisade chrétienne en Orient.
La ville et la forteresse de St Jean d'Acre est reprise par les musulmans, cent ans après sa prise par Richard Coeur de Lion, puis tomberont également les derniers bastions francs : les grandes villes de Tyr, Sidon et Beyrouth...
-->1299 - Naissance de l'Empire Ottoman, capitale d'abord Iznik (Nicée) puis Bursa (Brousse) au Nord Est de l'Anatolie

Năm 1306, Trần Anh Tông gã em gái là công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm Thành là Chế Mân (Jaya Simhavarman III) để đổi lấy 2 châu Ô, Lý (Quảng Trị, Thừa Thiên và Đà Nẵng).
Lúc cuối nhà Trần, giặc Chiêm Thành thường sang quấy nhiễu

Ming Dynasty

Under the Ming Dynasty, numerous publications about geography - also of foreign countries, techniques, agronomy, geologycraftsmanship, military, medicine and pharmakology were published

1368 ---1644

À la fin de la dynastie Ming la Chine compte environ 130 millions d'habitants (contre 70 au début). La période a connu des progrès remarquables de l'artisanat, de l'agriculture (avec l'introduction de plantes américaines par les Portugais et les Espagnols), du commerce (avec l'exportation des soieries, de la porcelaine et des tissus de coton).

Minh

Nhà HỒ 1400- 1407 Lê Quý Ly soán ngôi nhà Trần, đổi tên Hồ Quý Ly, trị nước 7 năm
Nhà Hậu Trần 1409-1413: Nhà hậu Trần tồn tại được 7 năm thì mất;

--> The northern neighbors of the Ming Empire were the Yi Dynasty in Korea (Chosòn 1392-1910), and various nomad tribes like the Jürched (Chinese: Ruzhen , not Nüzhen!), Mongols (Chinese: Menggu or Mengwu), Oirats (Chinese: Wala), and "Tartars" (Chinese: Dada). In the northwest, we find the independant kingdoms of Turfan (Chinese: Tulufan), Tumet (Chinese: Tumote), and Tibet (Chinese: Zang), governed under the Dalai Lama regime. In the south, Vietnam was governed by the Trần Dynasty (1225-1400), later the Lê Dynasty (1428-1558).

Gươm mài đá, đá núi cũng mòn
Voi uống nước, sông nào cũng cạn
Đánh một trận sạch không kình ngạc
Đánh hai trận tan tác chim muông.

Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi

Zhu Yuanzhang, Chu Nguyên Chương - Minh Thái Tổ, **fondateur** de la dynastie **Ming**

Chinese Dynasties Period Đời

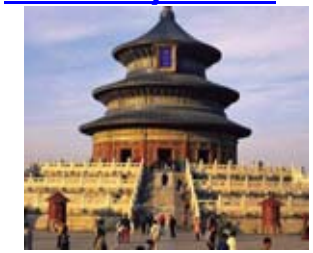

L'empereur Yongle (Zhu DI) - Minh Thành Tổ - Chu Đệ , entreprend de nombreuses constructions à Beijing dont la Cité Interdite, le T**emple du ciel** et une enceinte autour de Beijing.
Sous le règne de Yongle (1403-1424), la Chine dispose d'une flotte maritime gigantesque (flotte des Trésors), dirigée par **Zheng-He**, navigateur prestigieux, permettant à la Chine de voyager depuis le sud-Est asiatique à la côte Est de l'Afrique, jusqu'à Mogadisho, en longeant l'Inde et l'Arabie. Selon Gavin Menzies (1421: The Year The Chinese Discovered the World), des cartes d'Amérique établies par Zheng-He prouvent que l'Amérique a été découverte par Zheng-He bien avant Christophe Colomb.

Zheng-He (Trịnh Hòa)

Route de la Soie(Silk Roads)

By 1420, China's navy was the largest in the world, with 400 large war junks stationed at Nanking, 1,350 warships, river and canal patrol boats stationed elsewhere, 3,000 merchant vessels that could be converted into fighting ships if needed, 400 huge grain transports, and 250 "treasure ships," overseas warships that brought back riches from far flung missions of trade and diplomacy.

Vua Lê Thánh Tông và tiên nữ trước cửa Đại Hưng

Histoire/Lich sử Việt Nam et --> événements mondiaux contemporains

1414-1427 Nước ta thuộc nhà MINH

Nguyễn Trải

Dưới thời này, di tích của Việt Nam như là sách vở bị thu nhặt đem về Trung Hoa hết sạch.

La route de la Soie - Đường Tơ Lụa - Major Sections Along the Silk Road
As long as a thousand years ago, especially since the beginning of the Han dynasty, the main commercial activity between Asia and Europe took place along a tortuous route from Persia and the Black Sea to the west to China in the east, traversing central Asian deserts and the high Himalayan plateaus of Tibet. The primary currency of that trade was silk, and thus the term "silk road" refers to the paths traveled in the pursuit of commerce in silk. Foreign religions were introduced into China also by the same ways (i.e. Buddhism, Islam).
The **Silk Road (Chinese: Sichou zhi lu)** can be divided into three major sections representing different geographical regions and also different aspects of the silk trade along the Silk Road. These three sections of the Silk Road (name given in 19th century by the german Ferdinand Von Richthofen) trade routes are:
1.- an eastern section beginning in Chang'an, China, and running along the northern and southern borc
2.- a Central Asian section crossing the Pamirs and the Central Asian region of Samarkand; and
3.- a western section that runs through Persia to the Mediterranean.
Le monde occidental ne prit réellement connaissance de l'existence de cette route qu'à la suite de la publication des récits des différents voyages du vénitien Marco Polo (13e siècle).
The Silk Road, actually four different main "roads", provided the principal overland trade route between east and west into the 15th Century AD, when sea passage finally gained primacy.

Nhà Hậu LÊ 1428-1527

1428 - vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi), sau khi thắng được giặc Minh, đặt tên nước là **Đại Việt.**

Nguyễn Trải được được vua phong làm Quan Phục Hầu, đứng đầu bên văn.
nhưng vào năm 1440, khi Lê Thái Tông chết, Nguyễn Trải bị triều đình đổ tội, sát hại ba họ (tru di tam tộc)
về sau vào năm 1464, mới được vua Lê Thánh Tông giải hàm oan.Năm 1980, UNESCO phong cho ông là danh nhân văn hoá thế giới.
1428 -1787 Dynastie LÊ. NGUYỄN-TRẢI entreprend de nombreuses réformes :
. répartition des terres, abolition du servage, la femme est mieux considérée
. Institution morale civile laique. Littérature: le Nôm.

Vua Lê Thánh Tông.

Lê Thánh Tông (1442 - 1497), là vị vua mà tên tuổi và sự nghiệp vẻ vang đã gắn liền với giai đoạn cường thịnh của Việt Nam nửa cuối thế kỷ 15. Trong gần 40 năm làm vua, ông đã tiến hành nhiều cải cách về chính trị, quân sự, kinh tế. Bản thân ông là một nhà thơ lớn, để lại nhiều tác phẩm có giá trị.
Bộ luật Hồng Đức là một trong những thành tựu đáng tự hào nhất của sự nghiệp Lê Thánh Tông và của cả thời đại ông. Sự ra đời của bộ luật Hồng Đức được xem là sự kiện đánh dấu trình độ văn minh cao của xã hội Việt Nam hồi thế kỷ 15,đề cao những giá trị văn hóa dân tộc.

--> *Empire ottoman:*

L'Empire ottoman fut édifié lentement, au début du XIVe siècle, sur les ruines de l'État seldjoukide d'Anatolie, puis, au XVe siècle, sur celles de l'Empire byzantin, l'État ottoman, après la prise de Constantinople (29 mai 1453) par le sultan ottoman Mehmet II, est devenu l'une des puissances majeures de l'Europe et du Proche-Orient et Maître de la Méditerranée, de l'Afrique du Nord, de l'Europe balkanique, des pays du Proche-Orient et des rives de la mer Noire. Les Turcs étaient originaires de l'Asie centrale. Les Ottomans formaient l'une des tribus turques. Le démembrement de cet empire, successeur des empires romain, byzantin et arabe, aboutira à la création, grâce à Mustafa Kemal, de la Turquie nouvelle, en 1923. Sous le long règne de Soliman II (1520-1566), l'empire ottoman atteint son apogée.
A deux reprises, les Ottomans tentèrent, sans succès, de s'emparer de Vienne, capitale du Saint Empire. La première, en 1529, lorsque ***Soliman le Magnifique (Süleman II Kanuni),*** *qui venait de prendre Buda, tenta de poursuivre son avantage, mais fut repoussée et la deuxième et la dernière, en 1683, marqua le déclin de l'empire ottoman.*

Chinese Dynasties Period Đời

Empire ottoman

The Manchu lived in the area that was later called Manchuria (Chinese: Manzhou), today the provinces Heilongjiang, Jilin and Liaoning. The Jurchen clans were unified by **Nurhaci**, a strong leader who founded the Later Jin (Hậu Kim)Dynasty with a capital in Mukden (modern Shenyang /Liaoning). His follower **Abahai** imitated the Chinese institutional framework to organize his empire with an effective civil and military administration. When peasant rebels, led by **Li Zicheng**, occupied the Ming Dynasty capital Beijing, the Chinese general Wu Sangui collaborated with the semi-nomad empire of Manchuria to repell the peasant rebels. The Manchu crossed the Shanhai Pass, conquered Beijing, but instead of being content with their new territorial acquisition, they started the conquest of whole China.

Bởi vì loạn dân chiếm Bắc Kinh, triều đình Minh đi viện binh Mản Châu để giải cứu, nào ngờ quân Mản Châu tiện diệp xâm chiém luôn cả lânh thổ nhà Minh.

Qing Dynasty **Thanh**

1644 -1911 : Au cours du demi siècle suivant sa naissance, l'empire Mandchou étend son pouvoir à des régions auparavant sous contrôle Ming, telles que le Yunnan et Taïwan et au delà en s'emparant du Xinjiang (Turkestan chinois), du Tibet et de la Mongolie.

Le 17 février 1661, **Kangxi (ou K'ang-hi), (Vua Khang Hy (Kangxi)** nhà Thanh), issu du peuple mandchou, devient empereur de Chine.

Histoire/Lich sử Việt Nam et --> événements mondiaux contemporains

Soliman le Magnique

1460 -1497 Sous le règne de Lê Thánh Tông, le code Hồng Đức fut érigé pour réglementer les lois et principes en vigueur jusqu'à la fin du XVIII ème siècle

1471 - vua Lê thánh Tông chinh phạt xứ Chiêm Thành, khai khẩn đất Quảng

Lê Thánh Tông là một trong những ông vua ở ngôi lâu trong lịch sử (38 năm), đã đưa đất nước lên một thời kỳ thịnh trị nhất trong cả ngàn năm lịch sử Việt Nam.

-->1480 - Ivan III le Grand devient souverain de toute la Russie

-->1492 - fin de la présence musulmane en Espagne après sept siècles de présence active.

*-->1492 - **Christophe Colomb** découvre l'Amérique, plus de 70 ans après Zheng-He, amiral sous la dynastie MING. Lý do Christophe Colomb đi về phía Tây vì Constantinople bây giờ thuộc đế quốc Ottoman, làm cản trở đường thương mại với Trung Hoa và Ấn Độ.*

--> 1520 - 1570 : Extension de la présence portugaise en Extrême-Orient

--> 1526 - fondation en Inde de l'Empire moghol par Babur (1483 - 1530), La capitale est Delhi

--> Le mot *Moghol* semble avoir été donné à l'empire au cours du 19ème siècle et dérive de mongol, en raison de l'héritage de Bâbur

Nhà Mạc 1527 - 1592

Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Hậu LÊ

Thời Kỳ Nam Bắc phân tranh 1527 - 1802

1527- 1802 Le Việt-Narn est divisé entre 2 pouvoirs, au Nord le clan TRỊNH, au Centre: le clan NGUYỄN

Thời Trịnh Nguyễn phân tranh, 2 họ chỉ xưng chúa, chứ không xưng vua và bề ngoài vẫn tôn phù nhà Lê

Công nghiệp quan trọng nhất của các chúa Nguyễn là mở rộng bờ cởi về phiá Nam (Chiêm Thành và Chân Lạp (nước dưới sông Mê Kong)

6 tỉnh Nam Việt bây giờ là đất lấy của nước Chân Lạp mà người Việt Nam khai thác

Alexandre de Rhodes

Người Âu Châu bắt đầu tiếp xúc với Việt Nam và truyền đạo thiên Chúa
Bồ Đào Nha mở cửa hàng ở Hội An (FAIFO)
Hội An, autrefois appelée Faifo, fut un port très actif où Chinois et Japonais avaient leurs quartiers et où les marchands portugais et hollandais venaient commercer durant les 17ème et 18ème siècles.

--> 1571 Bataille de Lépante. La flotte ottomane est vaincue par l'Occident chrétien.

--> 1596 - Arrivée des Hollandais en Indonésie

Création de la Compagnie hollandaise des Indes orientales.

'--> 1637 - Hòa Lan , Anh Pháp đều vô buôn bán

1651 - chữ Quốc-Ngữ, do cha **Alexandre de Rhodes(A Lịch Sơn Đắc Lộ) soạn ra,** đã chính thức ra đời tại nhà in Vatican (Dictionnarium annamiticum, lusitanum et latinum" (Tự Điển Việt-Bồ-La).

Cha Alexandre de Rhodes sanh ở Pháp, tại Avignon, ngày 15 tháng 3 1591.

Les Portugais: Người Bồ Đào Nha

En à peu près un demi siècle, les Portugais explorent l'Afrique, l'Asie, l'Amérique et sont les premiers à acquérir une vision mondiale. Entre 1506 et 1557, le Portugal conquiert Ormuz, Goa, Cochin(ville portuaire sur la côte est de l'Inde), Malacca, Timor, ils commercent avec le Japon et installent un port à Macao, qu'il administreront d'ailleurs jusqu'en I999.

*xem truyện **"Hồng Lâu Mộng"** của Tào Tuyết Cần (Hongloumeng - Rêve dans le Pavillon rouge de Cao Xueqin)*
về đời vua Càn Long (Qian Long) nhà Thanh

Nguyên tắc tạo chữ Nôm

Chữ Nôm được tạo ra từ chữ Hán theo một số nguyên tắc sau:

1) Dùng chữ Hán có âm và nghĩa giống tiếng Việt. Ví dụ: chữ Chè 茶 dùng chữ Hán "Tra" 茶, chữ Là 羅 viết từ chữ Hán "La" 羅 v.v...

2) Ghép 2 hay 3 chữ Hán với nhau. Ví dụ: Tháng = Nguyệt 月 + Thượng 尚; Mắt = Mục 目 + Mạt 末, Trời= Thượng 上 + Thiên 天 v.v...

3) Dùng một chữ Hán có âm giống như âm tiếng Việt, loại này người viết chữ chỉ chú trọng về âm, không chú trọng về nghĩa. Ví dụ, chữ 我 có âm đọc là "ngã", nghĩa là "tôi", đối chiếu với tiếng Việt thì có chữ "ngã" trong từ "ngã nhào" là thích hợp. Do đó chữ 我 trong tiếng Nôm được đọc là "ngã"

Chinese Dynasties

Period

Đời

As rulers of the cultural superior realm of China, the Qing emperors adopted the state doctrine of Confucianism as their official religion. The emperor underwent all sacrifices for Heaven (at the Altar of Heaven Tiantan 天壇 in Beijing), Earth, and his ancestors. Confucius was venerated as the greatest of the Saints.

Sau khi thống trị Trung Quốc, triều Thanh tiếp tục thực hiện kế hoạch thôn tính miền Bắc và miền Tây Mông Cổ.

The age of Qing Dynasty is - not only in the eyes of Westerners, but also in the mind of Chinese - a period of prosperity, of decay, of stagnation, of revolution, of lazyness and of challenges that came upon a population that seemed to sleep a beauty's sleep of Confucian social ethics in a paradise where a wise ruler governed over a satified and happy population, and on the other side a society that was bound by rules of a backward social thinking.

Emperor Quian-long (vua Càn Long) Son règne fut incontestablement la période la plus prospère de la dynastie Qing.

Trong quá trình chinh phục Trung Quốc, quân Thanh bắt nhân dân Trung Quốc phải theo một số phong tục tập quán của người Mãn Châu mà trước hết là bắt cạo tóc theo kiểu người Mãn. Đến đầu triều Thanh, nhà Thanh thi hành chính sách đóng cửa nghiêm ngặt, cấm nhân dân Trung quốc đi ra ngoài bằng đường biển, còn thương nhân Châu âu thì chỉ được buôn bán ở vài vùng mà thôi. Đến đời **Càng Long (1736-1795**), do các thương nhân phương Tây nhất là người Anh đã có những hoạt động trái phép ở vùng ven biển Trung quốc, nên năm 1757 nhà Thanh ra lệnh chỉ cho các nhà buôn nước ngoài được buôn bán ở Quảng Châu mà thôi.

C'est à l'empereur Qianlong, petit-fils de Kangxi, que revient la plus grande activité de bâtisseur avec la construction en 1750 des trois plus importants complexes religieux de Chengde inspirés de trois hauts lieux du bouddhisme tibétain : le Potola de Lhassa (temple Putuozong Sheng Zhi Miao), Tashilumpo (temple Xumifushou Zhi Miao) et Samye (temple Puning Si).

Mandchou Empire

Vua Gia-Long

Histoire/Lich sử Việt Nam et --> événements mondiaux contemporains

--> 1662, Prise de la citadelle hollandaise Zeelandia, au sud de l'île de Formose par le pirate chinois Koxinga (Zheng Chenggong).Koxinga , trung thành với triều Minh, chống lại nhà Mản Thanh, lập căn cứ tại đảo Formose (Đài Loan)

1697 - chúa Nguyễn đổi Phan-lý thành Phan trí, Phan-lang thành Phan-rang; từ đó Chiêm Thành mất hẳn.

--> Pierre le Grand devient tsar de Russie en 1689

--> 1710 - 1819 Période marathe en Inde

--> 14 juillet 1776 - Indépendance américaine - Naissance des USA

chữ 我 trong tiếng Nôm được đọc là "nga". Ngoài ra chữ Nôm còn được hình thành bằng một số hình thức khác. Về cơ bản cách tạo thành chữ Nôm cũng giống như cách hình thành chữ Hán.

Truyện "rắn thần dâng đao"

Một hôm Nguyễn Huệ vâng lệnh anh chỉ huy một đạo tân binh từ Mộ điểu xuống An bình. Gần đến chân phía tây đèo An khê thì đạo binh vùng thối lui: Một cặp rắn mun cực kỳ to lớn nằm chặn giữa đường, cổ cất cao như cột nhà cháy và miệng hả to như hai chậu máu tươi. Mọi người đều kinh hồn và cho là một điềm xấu. Nguyễn Huệ liền xuống ngựa, chấp tay khấn: Nếu anh em chúng tôi có thể dựng được nghiệp lớn thì xin Xà Thần tránh đường cho quân đi. Bằng mạng số chúng tôi không ra gì thì chỉ xin cắn chết tôi mà tha cho quân lính được sống về cùng vợ cùng con. Vừa khấn xong thì cặp rắn quay đầu xuống, song song đi trước dẫn đường cho đạo binh. Tới thôn Thượng an thì dừng lại. Một con vào bụi rậm ngậm ra một thanh long đao, cán đen như mun, lưỡi bén như nước. Rồi cả hai ngậm ngang thanh đao, song song bò đến dâng cho Nguyễn Huệ. Đoạn biến mất. Thanh đao Nguyễn Huệ dùng đánh giặc là thanh đao của thần rắn dâng. Để tỏ lòng tri ân, Nguyễn Huệ lập miếu thờ thần rắn tại nơi dâng đao. Miếu ấy hiện nay vẫn còn và tục gọi là Miếu Xà.

Nhà Tây sơn 1778-1802

--> 1789 - Révolution française

Nhà Tây sơn khởi đầu từ 1778, Nguyễn Nhạc xưng đế ở Quy Nhơn, đến năm 1802, được 24 năm. Nhưng Nguyễn Nhạc chỉ làm chức chúa từ Quảng Nam, Quảng Ngãi trở vào mà thôi, còn từ Phú Xuân trở ra thì thuộc nhà Lê. Đến 1788, Quang Trung xưng đế hiệu rồi ra đánh giặc Thanh mới lấy Bắc Hà sửa đổi chính trị thì từ đó nước Nam mới thuộc về nhà Tây Sơn.
Tây Sơn là dãy núi phía Tây tỉnh Bình Định thuộc hệ thống Trường sơn.

1789 - vua Quang Trung (Nguyễn Huệ) đại thắng quân Mãn Thanh đang chiếm đóng Bắc Hà và Thăng Long.
Nguyễn Huệ (1753-1792) sinh năm 1753, là em thứ hai của ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ

đánh thắng trận Đống-Đa

Nhà Nguyễn 1802-1945 - vua Gia Long đặt tên nước là Việt Nam Thống nhất Việt Nam

Các vua nhà Nguyễn (145 năm)

Gia Long: 1802-1820, tên là Nguyễn Phước Ánh **Nguyễn Du viết *Truyện Kim Vân Kiều* dưới triều vua Gia Long**
Minh Mạng:1820-1841, con Gia Long
xem nhà **thơ hoài cổ bà huyện Thanh Quan** (như "Thăng Long thành hoài cổ", "Qua đèo Ngang",)
Thiệu Trị:1841-1847, con Minh Mạng
Tự Đức:1847-1883, con thứ hai của Thiệu Trị
Dục Đức:1883, con nuôi của Tự Đức, làm vua ba ngày
Hiệp Hòa:1883, em vua Tự Đức, bị ám sát chết
Kiến Phúc 1883-1884, con nuôi thứ 3 của Tự Đức, chết sau 6 tháng làm vua
Hàm Nghi: 1884, em ruột Kiến Phúc, bị đày qua Algérie
Đồng Khánh: 1885-1889, con nuôi thứ 2 của Tự Đức
Thành Thái: 1889-1907, con của vua Dục Đức, (1916 vua Thành Thái bị Pháp đày qua đảo Réunion)
Duy Tân: . 1907-1916 ,con của Thành Thái , (cùng năm 1916, vua Duy Tân bị Pháp đày qua đảo Réunion)

Vua Bảo Đại

Nam Phương Hoàng hậu

Chinese Dynasties Period Đời

Empress Dowager CiXi
Impératrice douairière Tseu-Hi

Từ Hi Thái Hậu (Empress Dowager CiXi (1835-1908)

29 août 1842 Avec le traité de Nanking en 1842, marquant la fin de la première Guerre de l'Opium, les Britanniques obtinrent le contrôle de Hong Kong, qui fut restitué à la Chine en 1999. D'autres puissances occidentales – le Portugal, l'Amérique, l'Allemagne et la Russie – ont également soutiré des accords similaires au gouvernement Mandchou en déclin, qui forçaient la Chine à ouvrir ses portes au monde extérieur.

Chiến tranh thuốc phiện đánh dấu xã hội Trung quốc bước vào giai đoạn nửa thuộc địa.

La **révolte des Taiping** (loạn **Thái bình Thiên quốc** chống nhà Mản Thanh) dans les années 1850 et 1860, qui ne fut vaincue qu'avec l'appui des Occidentaux, celle des Nian, l'agitation entretenue par la Russie dans les provinces frontalières, Turkestan ((Xinjiang) et Mongolie achevèrent d'appauvrir la Chine et manquèrent de mettre fin à la dynastie.

Histoire/Lich sử Việt Nam et --> événements mondiaux contemporains

Khải Định: -1916-1925, con vua Đồng Khánh

BẢO ĐẠI (Nguyễn Vĩnh Thụy, con vua Khải Định - VỊ HOÀNG ĐẾ CUỐI CÙNG) 1926-1945

--> Napoléon Bonaparte (Nả Phá Luân) vaincu à Waterloo en 1815

--> 1818 - 1947 Domination britannique de l'Inde

1821 - 1822 -1835 phái đoàn Anh, Mỹ, Pháp đến xin thông thương điều bị từ chối
thời vua Tự Đức, quần thần bảo thủ, không thích giao dịch, buôn bán vơí xứ ngoài, cấm ngoại đạo (Thiên chúa giáo)

--> 1830 Conquête de l'Algérie par les Français.

--> 1854 Ouverture du Japon

Le commodore PERRY croise devant Tôkyô et oblige le Japon à signer le traité de Kanagawa (près de Yokohama).

REVOLUTION DE MEIJI (1868-1912)

Après la démission du Shogun Tokugawa Yoshinobu, e*n l'espace de 5 années l'ensemble de la société Japonaise va se transformer radicalement passant de la féodalité à la société moderne. En Avril 1868, l'Empereur Meiji (Mutsuhito) promulgue le "Serment en 5 articles". C'est le coup d'envoi d'une vague de réformes profondes visant à rattraper le retard du pays sur les pays occidentaux.*

Empereur Meiji (Mutsuhito)

Sự có mặt người Trung Hoa ở Việt Nam.

Từ thời cổ đại xa xưa, người Quảng Đông. Triều Châu và Phúc Kiến ưa di dân sang Việt Nam, .Cứ mỗi lần có biến động chính trị và quân sự tại Trung Quốc là có dân di cư ào ạt sang nước Nam. Và gia tăng mãnh liệt từ lúc quân Mãn Thanh sang chiếm nước Trung Hoa(1644). Những thế kỷ sau đó, dưới thời Pháp thuộc và vào lúc các cường quốc Tây Phương xâu xé nước Trung Hoa, người Hoa di tản sang Việt Nam càng lúc càng đông, gần như tự do thả cửa. Con số người Hoa tại Việt Nam vào những năm 1921, 1931 và 1950, tuần tự, là 195000, 267000, và 727500.
Những lãnh tụ di cư gốc Hoa như **Dương Ngạn Địch, Mạc Cửu và Mạc Thiên Tứ** đã giúp không ít trong việc bình định và mở rộng bờ cõi nước Nam. Mạc Cửu quê ở Lôi Châu, Quảng Đông, vì không phục nhà Thanh nên đem gia quyến sang nước ta, rồi nhập Việt tịch vào thời chúa Nguyễn Phúc Chu. Năm Giáp Ngọ 1714, **Mạc Cửu** dâng đất Hà Tiên cho chúa Nguyễn, nhận nơi đây là quê hương thứ hai, nguyện hết lòng phục vụ như con dân đất nước ta, được phong làm Tổng binh trấn Hà Tiên. Người Hoa đến đây cùng với người Việt đã làm biến đổi vùng đất hoang sơ chỉ có nước mênh mông thành một vùn Lịch sử đã ghi nhận sự đóng góp của cha con Mạc Cửu, Mạc Thiên Tích tại vùng đất cực tây Nam Bộ là rất to lớn.
Đông nhất trong các cộng đồng sắc tộc gốc Hoa tại Việt Nam là người Quảng Đông, kế đó đến Triều Châu, Hẹ (Hakka), Phúc Kiến, và Hải Nam.
Ở Cam-Pu-Chia, và Thái Lan người Triều Châu chiếm đa số (60%). Thông thường nhất, họ của người Triều Châu là Lâm (như Lâm Bình Chi trong truyện 'Tiếu Ngạo Jiang Hồ' của Kim Dung). Người Phúc Kiến: họ Trần , họ Huỳnh và họ Thái.

Người Pháp xâm lăng Việt Nam 1858-1884

--> 1869 - Naissance de Gandhi

Chinese Dynasties

Pu-Yi, last emperor of China

Period

Đời

La Chine connaît l'apogée de son histoire millénaire , puis son effondrement, sous la dynastie impériale Mandchoue Qing.
Au milieu du 18ème siècle, la dynastie atteint son apogée sous le règne de Qianlong (vua Càn Long):
la Mandchourie, la Mongolie, l'actuelle province du Xian Kiang et le Tibet sont entre les mains du régime. Le Népal, la Birmanie , les îles Ryukyu, la Corée et le Nord du Vietnam reconnaissent la suzeraineté de la Chine.

1900 - Révolte des Boxers - Quyền-Phỉ (55 jours de Pékin)
Boxeurs ou boxers en anglais est la traduction simpliste de Yi-ho k'iuan (le poing de la concorde et de la justice), tức là Nghĩa Hòa Quyền.

Suite à la révolution républicaine d'octobre 1911, le 12 février 1912, Pu-Yi (Phỗ Nghi), dernier empereur (Empereur Xuantong) de Chine, à l'âge de 6 ans, est forcé d'abdiquer.

République of China 1912

The 37 years of the Republic of China were a short, but very turbulent and decisive period of Chinese history (warlordism, civil war) and external challenge (Japanese aggression).

1912 - Chủ nghĩa Tam Dân/Sam Min Chu Y (Dân Tộc, Dân Quyền, và Dân Sinh / Nationalisme, Démocratie, Bien-Etre) của **Tôn Dật Tiên (Sun Yat Tsen)**

1934 -1935 Longue Marche (Vạn Lý Trường Chinh) de Mao

Popular Republic of China 1949

Mao Tsé-toung

Mao Trạch Đông (Mao Tsé-toung) làm Chủ Tịch
Le 8 décembre 1949, le généralissime chinois Tchang Kaï-chek (Tưởng Giới Thạch) se réfugie sur l'île de Formose (Taïwan).

Tchang Kaï-chek

1957 - chiến dịch trăm hoa đua nở (Campagne des 100 fleurs)

1964 - premier essai nucléaire chinois
En mai 1966, "Révolution culturelle"

Deng Tsiao Ping

1980, **Deng Tsiao Ping (Đặng Tiểu Bình)** lance la modernisation de la Chine

Histoire/Lich sử Việt Nam et --> événements mondiaux contemporains

Epoque coloniale:
Le 31 août 1858 , des forces franco-espagnoles (14 bâtiments et environ 2000 hommes) arrivent dans la baie de Tourane sous le commandement du vice-amiral Rigault de Genouilly. *Vua Pháp, Napoléon III, viện cớ Việt Nam bắc cấm truyền đạo Thiên Chúa, xâm chiếm Việt Nam.*
5 Juin 1862 : Traité avec la cour d'Annam signé à Saïgon. la France annexe les trois provinces de Saïgon, Bien Hoa et Mytho, ainsi que l'île de Poulo Condor; Vinh Long est rétrocédée au gouvernement de Hué.
5 avril 1863 : Ratification du traité de 1862 par la cour d'Annam: il existe officiellement une « Cochinchine française ».
1883 -1908 Conquête de l'Indochine par la FRANCE (époque coloniale)
6 juin 1884 : Nouveau traité avec l'Annam, placé avec le Tonkin sous protectorat français.
1885 Hoà ước Patenôtre thiết lập sự đô hộ Pháp
Novembre 1887 : Création de L'Union Indochinoise sous la suzeraineté de la France.
1890 Naissance de Hồ Chí Minh

Dưới triều Tự Đức có **Nguyễn Trường Tộ** là nhân tài sáng suốt đưa nhiều đề nghị canh tân đất nước để theo kiệp đà tiến bộ khoa học. Về giáo dục ông đề nghị bỏ lối học từ chương, dạy các môn khoa học thực nghiệm, dùng quốc văn, bỏ chữ Hán và cho học sinh xuất dương cầu học. Về quân sự ông đề nghị tổ chức và huấn luyện quân đội cùng trang bị theo lối Âu Mỹ. Về kỉnh tế ông đề nghị phát triển canh nông, kỹ nghệ, thương mại và lập đường giao thông cùng khai mỏ. Về ngoại giao ông đề nghị mở bang giao với các cường quốc Âu Mỹ. Nhưng những điều trần của ông đều bị bác bỏ.

1916 - Vua Duy Tân bị bắt đi đày, người Pháp cho Nam triều tôn ông Nguyễn Bửu Đảo lên ngôi, lấy hiệu là Khải Định

Vua Duy Tân

--> 1904-1905 Chiến tranh Nga-Nhật
Après la guerre sino-japonaise en 1894-1895. Le Japon annexa Taiwan ,les îles Pescadores, ler Liaodong, reçut des richesses de Mandchourie et une lourde indemnité de guerre. Tous ces avantages étaient décrits dans le Traité de Shimonoseki en 1895.

Monnaie sous empereur Duy-Tân

--> 6 novembre 1917 : Révolution d'Octobre en Russie

Vỏ Nguyên Giáp

--> 1922 - création de l'Union soviétique
--> 1924 Atatürk abolit le sultanat et instaure la république turque (Thổ Nhi Kỳ)
1930 Tổng khởi nghĩa chống Pháp thất bại, Nguyễn Thái Học cùng với 12 đồng chí bị chém ở Yên Bái.
1940 - Entrée des troupes japonaises en **Indochine**
--> 1941 - Attaque de Pearl Harbor par le Japon
--> les Etats-unis déclare la guerre au Japon et entre dans la seconde guerre mondiale.
--> 1950 - 1953 : Guerre de Corée (Chiến tranh Triều Tiên)
--> After almost 30 years of civil war and war against the Japanesse aggression the Communist Party (Gongchandang 共产党) of China founded the People's Republic on Oct 1, 1949.

Hồ Chí Minh

1954 - Défaite française à Điện Biên Phủ à 300 km d'Hà Nội (Vỏ Nguyên Giáp đại thắng Điên Biên Phủ)

Việt Nam phân chia Nam Bắc ở vỉ tuyến thứ 17.

Ngô Đình Diệm

- miền Bắc, **Hồ Chí Minh,** Chủ Tịch Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa
- miền Nam, **Ngô Đình Diệm**, Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa (1955-1963).

1960 - 1973 Intervention américaine au Vietnam
(sous les présidences de John Fitzgerald Kennedy, Lyndon Baynes Johnson et Richard Nixon)
--> 1971 3ème guerre indo-pakistanaise : le Pakistan oriental devient indépendant sous le nom de Bangladesh.

Việt Nam thống nhất dưới chế độ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (từ 2-7-1976, thủ đô Hà Nội). République socialiste du Vietnam
1975-1991 Một lần nửa, vì chia rẻ lẩn nhau, người Việt Nam lại ly tán, lần này cả triệu người tản mạc ra xứ ngoài, đặc biệt là đi Hoa Kỳ, Gia Nả Đại, Úc Đại Lợi, Pháp.

Chinese Dynasties Period Đời Histoire/Lich sử Việt Nam et --> événements mondiaux contemporains

--> 1976 - Mort de Mao Tse toung (Mao Trạch Đông)

1987 - tro vua **Duy Tân** được đem về chôn ở Huế từ République Centrafricaine

Có 54 sắc dân ở Việt Nam

Ba Na	Bố Y	Brâu	Bru - Vân Kiều	Chăm
Cờ-Lao	Cống	Cơ-Tu	Dao	Ê-Đê
Hoa	Hrê	Kháng	Khơ-me	Khơ-mú
Lô Lô	Lự	Mạ	Mảng	M'Nông
Phù Lá	Pu Péo	Ra-giai	Rơ-Măm	Sán-Chay
Thổ	Sinh Mun	Xơ-Đăng	Xtiêng	
Chơ-ro	Chu-ru	Chứt	Co	Cơ-Ho
Gia-Rai	Giây	Giẻ-Chiêng	H'mông	Hà-Nhi
KINH (Jing-zu - đông nhất)	La-chí	La-Ha	La-Hủ	Lào
Mường	Ngái	Nùng	Pà Thẻn	Ơ đu
Sán-Dìu	Shi La	Tà Ôi	Tày	Thái

Jing-zu est l'ethnie majoritaire du Vietnam actuel. Người Kinh là chủng tộc đông nhất ở Việt Nam hiện nay.

8 grands groupes ethniques:

- groupe Viets-Muongs : Chut, Kinh, Muong, Tho;
- groupe Thaïs : Bo Y, Giay, Lao, Lu, Nung, San Chay, Tay, Thaï;
- groupe des Môn-Khmers : Ba Na, Brau, Bru-Van Kieu, Cho-ro, Co, Co-ho, Co-tu, Gie-trieng, Hre, Khang, Khmer, Kho mu, Ma, Mang, M'Nong, O-du, Ro-mam, Ta-Oi, Xinh-mun, Xo-Đang, Xtieng;
- groupe Hmong-Dao : Dao, Mong (H'Mong), Pa Then;
- groupe Kadai : Co lao , La-chi, La ha, Pu Peo;
- groupe Austronésiens : Cham, Churu, Ede, Giarai, Raglai;
- groupe Chinois han : Hoa, Ngai, San diu;
- groupe Tibéto-Birmans : Cong, Ha Nhi, La Hu, Lo Lo, Phu La, Si La.

Le Viêt-nam, de superficie: 335 000 km2 (Suisse 41.290 km2) et d'une population de 83'000'000 habitants en 2003, s'étire comme un immense S (ou un dragon?) sur 1500 km entre, à l'est, la mer de Chine méridionale et, à l'ouest, le Laos (1650 km de frontière commune) et le Cambodge (930 km de frontière); au nord, le pays partage une frontière de 1159 km avec la Chine (voir la carte). Contrefort oriental de la péninsule indochinoise, le Vietnam (ou Viêt Nam) présente un relief très contrasté, où montagnes et collines occupent les deux tiers du territoire. On distingue traditionnellement trois grandes régions appelées Bô: le Bắc Bộ (ou Tonkin), le Nam Bộ (ou Cochinchine) et le Trung Bộ (ou Annam).

Nghĩa đồng bào

Thế nào là nghĩa đồng bào,
Cùng cha cùng mẹ máu đào cùng chung.
Hãy còn cùng tổ cùng tông,
Cùng nòi cùng giống cùng dòng dõi kia.
Đồng bào nên chớ xa lìa,
Yếu đau phải đỡ, nặng nề phải mang.

Soạn tại Genève, Thụy Sĩ , năm Giáp Thân tháng 8 dương lịch 2004

Biên chép: Nếu có chi sai lầm, nhờ các bạn hữu chỉ dẫn

Groupes ethniques (non Han) en Chine:

Les Han constituent l'ethnie dominante de la Chine (92% de la population)
Groupe altaïque: les Ouïgours, les Mandchous, les Mongols, les Coréens, les Kazakhs;
Groupe hui : les Huis (appelés Dounganes au Kirghizistan et au Tadjikistan)
Groupe sino-thaï : les Zhuangs, les Buyis, les Dong, les Li, les Dai;
Groupe tibéto-birman : les Yi, les Tibétains, les Bai, les Hani, les Lisu;
Groupe miao-yao : les Miao, les Tujia, les Yao.
La Chine compte quelques 200 langues, 24 ethnies chinoises et 55 minorités non chinoises.

Religions en Chine

C'est aujourd'hui le bouddhisme, introduit au Ier siècle, qui exerce la plus forte influence en Chine. Le bouddhisme dit Hinayana (ou «Petit Véhicule») est pratiqué par certaines minorités (Dai, Bulang, De'ang, etc.). Le bouddhisme lamaïque (Tibétains, Mongols, Luoba, Menba, Tu, Yugur) est pratiqué dans de nombreux monastères. Apparu en Chine au VIIe siècle, l'islam est pratiqué ouvertement par dix minorités nationales (Hui, Ouïgours, Kazakhs, Kirghiz, Tatars, Ouzbeks, Tadjiks, Dongxiangs, Salars, Bao'ans) et compte une trentaine de millions d'adeptes.
Quant au catholicisme, il ne rassemble que quatre millions de pratiquants, notamment dans le Sud, parmi lesquels de nombreux Miao, des Yao et des Yi.
Le protestantisme concerne également trois millions de Chinois. Ces deux religions, moins influentes que le bouddhisme et l'islam, ont été surtout propagées dans les grandes villes (Shanghai, Pékin, etc.)

Xin xem tài liệu **http://www.personal.usyd.edu.au/~cdao/tudien/a/a3-10.htm**

CHINE - Unités administratives
La Chine est divisée en 23 provinces, cinq régions autonomes, quatre municipalités sous la juridiction directe du gouvernement central, et deux régions administratives spéciales. La capitale de la République populaire de Chine est Beijing.
Les 23 provinces sont Hebei, Shanxi, Liaoning, Jilin, Heilongjiang, Shaanxi, Gansu, Qinghai, Shandong, Jiangsu, Zhejiang, Anhui, Jiangxi, Fujian, Taiwan, Henan, Hubei, Hunan, Guangdong, Sichuan, Guizhou, Yunnan et Hainan.
Les cinq régions autonomes sont la Mongolie-Intérieure, Ningxia, Xingjiang, Guangxi et le Tibet.
Les quatre municipalités sont Beijing, Shanghai, Tianjin et Chongqing.
Hong Kong et Macao sont des régions administratives spéciales.

Dương lịch:

Dương lịch là phương pháp tính thời gian dựa theo sự vận chuyển của trái đất quanh mặt trời.
Dương lịch là loại lịch phối hợp giữa năm mặt trời và ngày mặt trời.
Có nhiều loại Dương lịch, như lịch của Hoàng Đế La Mã Jules César (101-44 trước Công nguyên), [gọi là Calendrier Julien], lịch của Đức Giáo Hoàng Grégoire XIII (1572-1585), [gọi là Calendrier Grégorien], ..v v... Nhưng lịch Grégorien thì hiện nay được toàn thế giới công nhận và sử dụng.
Một năm Dương lịch là khoảng thời gian mà trái đất quay giáp một vòng chung quanh mặt trời, bằng 365,25 ngày tức là 365 ngày lẻ ¼ ngày, tức lẻ 6 giờ. Như vậy, trong 4 năm sẽ dư ra 24 giờ, tức là dư ra 1 ngày. Ngày dư nầy được gọi là ngày Nhuận, và được đặt là ngày 29 của tháng 2 dương lịch.
Vậy cứ 4 năm dương lịch thì có 1 năm nhuận, tháng nhuận là tháng hai, bình thường tháng hai có 28 ngày, nhưng tháng hai nhuận có 29 ngày.
Dương lịch Grégorien lấy năm Giáng sinh Đức Chúa Jésus Christ làm năm thứ 1 gọi là Công nguyên.
Trước năm nầy gọi là trước Công nguyên (tính bằng số âm), và sau năm nầy gọi là sau Công nguyên.
Âm lịch The lunar calendar: còn được gọi là Nông lịch (Nongli), Lịch nhà Hạ (Xiali), Lịch Trung Hoa (Zhongli), Cổ lịch (jiuli)
Âm: Chỉ ban đêm, chỉ mặt trăng. Dương: Chỉ mặt trời. Lịch: Phương pháp tính thời gian: Giờ, ngày, tháng, năm.
Âm lịch là phương pháp tính thời gian dựa theo sự vận chuyển của mặt trăng quanh trái đất.
Âm lịch là lịch làm ra căn cứ vào sự vận chuyển của mặt trăng quanh trái đất.
Trên thế giới có nhiều loại Âm lịch: Âm lịch của Babylone, của Hồi giáo, của Trung Hoa. Các nhà làm Âm lịch đã cố gắng phối hợp với Dương lịch, để các tiết khí hậu trong một năm được hợp lý nhứt.
Âm lịch Trung Hoa được phát minh từ thời Thượng cổ, đời vua Phục Hy (2852 trước Công nguyên).
Vua Phục Hy quan sát sự biến đổi và di chuyển của mặt trăng quanh trái đất mà chế ra Âm lịch.
Tên của ngày tháng năm Âm lịch được đặt theo Can Chi.
*Can là **Thập Thiên can (Tiangan)**, 10 can của Trời, gồm: **Giáp(Jia), Ất(Yi), Bính(Bing), Đinh(Ding), Mậu(Wu), Kỷ(Ji), Canh(Yeng), Tân(Xin), Nhâm(Reng), Quý(Gui).***
*Chi là **Thập nhị Địa chi (Dizhi)**, 12 chi của đất, gồm: **Tý(Zi), Sửu(Chou), Dần(Yin), Mão (Mao), Thìn(Chen), Tỵ(Si), Ngọ(Wu), Mùi(Wei), Thân(Shen), Dậu(You), Tuất(Xu), Hợi(Hai).***
*Khi kết hợp 10 Thiên can và 12 Địa chi, chúng ta được 60 tên gọi, ấy là một chu kỳ **(Cycle Ganzhi)**, gọi là Lục thập Hoa Giáp.*
Âm lịch Trung Hoa còn được gọi là Âm lịch Can Chi, dần dần được hoàn chỉnh, sử dụng ở các nước phương Đông A42 chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa như: VN, Nhựt bổn, Triều Tiên, Mông cổ,..
Do đó, theo truyền thống của dân tộc ta, Đạo Cao Đài sử dụng Âm lịch là chánh, còn Dương lịch là phụ.
Các ngày lễ, vía, ngày hội đều lấy theo Âm lịch.

* Gọi tên tháng Giêng âm lịch:

Từ xưa, mỗi triều đại của Trung quốc đều có thay đổi Chính Sóc. Chính Sóc là ngày mùng 1 tháng Giêng. Bắt đầu đời vua Võ Đế, triều nhà Hán, lấy Chính Sóc Kiến Dần của nhà Hạ, tức là lấy tháng Giêng là tháng Dần, và sử dụng từ thời đó đến ngày nay .

- Tháng giêng:	Dần.	- Tháng bảy:	Thân.
- Tháng hai:	Mão.	- Tháng tám:	Dậu.
- Tháng ba:	Thìn.	- Tháng chín:	Tuất.
- Tháng tư:	Tỵ.	- Tháng mười:	Hợi.
- Tháng năm:	Ngọ.	- Tháng mười một:	Tý.
- Tháng sáu:	Mùi.	- Tháng mười hai:	Sửu.

Nếu năm Âm lịch khởi đầu bằng CAN (?) thì tháng Âm lịch khởi đầu bằng CAN (?) theo bảng qui định sau đây:

Năm khởi đầu bằng Can		**Tháng Giêng khởi đầu bằng Can**
Giáp	Kỷ	Bính
Ất	Canh	Mậu
Bính	Tân	Canh
Đinh	Nhâm	Nhâm
Mậu	Quý	Giáp

Chine - Patrimoine mondial de l'humanité (UNESCO)
· Mount Taishan (1987)
· The Great Wall (1987)
· Imperial Palaces of the Ming and Qing Dynasties in Beijing and Shenyang (1987 , 2004)
· Mogao Caves (1987)
· Mausoleum of the First Qin Emperor (1987)
· Peking Man Site at Zhoukoudian (1987)
· Mount Huangshan (1990)
· Jiuzhaigou Valley Scenic and Historic Area (1992)
· Huanglong Scenic and Historic Area (1992)
· Wulingyuan Scenic and Historic Area (1992)
· Mountain Resort and its Outlying Temples, Chengde (1994)
· Temple and Cemetery of Confucius and the Kong Family Mansion in Qufu (1994)
· Ancient Building Complex in the Wudang Mountains (1994)
· Potala Palace, Lhasa (1994 , 2000, 2001)
. Lushan National Park (1996)
· Mount Emei Scenic Area, including Leshan Giant Buddha Scenic Area (1996)
· Old Town of Lijiang (1997)
· Ancient City of Ping Yao (1997)
· Classical Gardens of Suzhou (1997 , 2000)
· Summer Palace, an Imperial Garden in Beijing (1998)
· Temple of Heaven/Temple du Ciel in Beijing (1998)
· Mount Wuyi (1999)
· Dazu Rock Carvings (1999)
· Mount Qingcheng and the Dujiangyan Irrig
· Ancient Villages in Southern Anhui - Xidi
· Longmen Grottoes (2000)
· Tombs of the Ming and Qing Dynasties (20
· Yungang Grottoes (2001)
· Three Parallel Rivers of Yunnan Protected
· Capital Cities and Tombs of the Ancient K

Thí dụ: Năm nay là năm Canh Thìn thì tháng Giêng là tháng Mậu Dần (Dần tại vì Chính sóc Dần), nối tiếp tháng hai là tháng Kỷ Mão,...
Một tháng Âm lịch, kể từ lúc không trăng cho đến lúc không trăng tiếp theo (đúng một tuần trăng) là 29, 53 ngày mặt trời. Đây là một số lẻ, nên nhà làm lịch đặt ra: tháng Âm lịch 29 ngày là tháng thiếu (Tiểu ngoạt), và tháng 30 ngày là tháng đủ (Đại ngoạt). Các tháng Âm lịch thiếu và đủ xen kẻ nhau.
Do đó, một năm Âm lịch có: 29, 53 x 12 = 354,36 ngày, ít hơn năm Dương lịch vì năm Dương lịch có 365,25 ngày.
Số ngày ít hơn là: 365,25 - 354,36 = 10,89 ngày.
Trong 3 năm, số ngày Âm lịch ít hơn Dương lịch:
10,89 x 3 = 32, 67 ngày.
Để phù hợp với năm Dương lịch và không sai lệnh mấy so với thời tiết trong một năm, thì cứ 3 năm Âm lịch, người ta thêm vào một tháng Nhuận, để cho số ngày trong 3 năm của Âm lịch và Dương lịch được gần bằng nhau.
Cho nên, đối với Âm lich, sau 3 năm có môt năm Nhuân và năm Nhuân đó có 13 tháng.

*** Gọi tên giờ Âm lịch:**

Theo Âm lịch, mỗi ngày được chia thành 12 khoảng thời gian bằng nhau, mỗi khoảng ấy được gọi là giờ Âm lịch.
Giờ Âm lịch được đặt tên theo Thập nhị Địa chi, tức 12 con giáp, khởi đầu là giờ Tý lúc 0 giờ.
Sau đây là Bảng chia giờ Âm lịch theo 24 giờ bình thường của mỗi ngày:

. Giờ Tý : từ 0 giờ đến 2 giờ.
. Giờ Sửu : từ 2 giờ đến 4 giờ.
. Giờ Dần : từ 4 giờ đến 6 giờ.
. Giờ Mẹo : từ 6 giờ đến 8 giờ.
. Giờ Thìn : từ 8 giờ đến 10 giờ.
. Giờ Tỵ : từ 10 giờ đến 12 giờ.
. Giờ Ngọ : từ 12 giờ đến 14 giờ.
. Giờ Mùi : từ 14 giờ đến 16 giờ.
. Giờ Thân : từ 16 giờ đến 18 giờ.
. Giờ Dậu : từ 18 giờ đến 20 giờ.
. Giờ Tuất : từ 20 giờ đến 22 giờ.
. Giờ Hợi : từ 22 giờ đến 24 giờ, bắt qua 0 giờ hôm sau.

LES CINQ ÉLÉMENTS - HỌC THUYẾT NGŨ HÀNH - Kim, Mộc, Thuỷ, Hoả, Thổ
(金，木，水，火，土)
La théorie des cinq éléments (**Kim/Métal**- symbole de l'énergie de l'automne, **Hỏa/Feu** - symbole de l'énergie de l'été, **Thủy/Eau** - symbole de l'énergie de l'hiver, **Mộc /Bois** - symbole de l'énergie du printemps, **Thổ /Terre** - représente l'énergie du centre) est sans doute antérieure au Ve siècle avant J.-C. Elle fut utilisée par les taoïstes, mais aussi en politique, en astrologie, en astronomie, en médecine et bien évidemment pour l'alimentation.
Tableau de correspondance des cinq éléments :
ÉLÉMENTS ; Bois ; Feu ; Terre ; Métal ; Eau
ORIENTATIONS ; Est ; Sud ; Centre ; Ouest ; Nord
SAISONS ; Printemps ; Eté ;Long été ;Automne ; Hiver
CLIMATS ; Vent ; Chaleur ; Pluie ; Sécheresse ; Froid
COULEURS ; Vert ; Rouge ; Jaune ; Blanc ; Noir
SAVEURS ; Acide ; Amer ; Sucré ; Acre ; Salé
Thuyết Ngũ hành xuất hiện trong khoảng từ thời của Chu Dịch (1150 BC) và Kinh Thi thời Khổng Tử (khoảng 500 BC), vì bằng chứng rõ rệt nhất là Chu Dịch không hề nói đến luật Sinh Khắc của thuyết Ngũ hành.

Như vậy, chúng ta nhận thấy:
** Giờ Tý khởi đầu lúc 0 giờ, nên thời điểm 0 giờ được gọi là Chánh Tý. (Chánh là đứng đầu).*
** Giờ Ngọ khởi đầu lúc 12giờ trưa, nên thời điểm 12 giờ trưa được gọi là Chánh Ngọ (đầu giờ Ngọ).*
** Vấn đề sụt lại 1 giờ trong Âm lịch:*
Những người coi ngày giờ tốt xấu để gả cưới, dựng nhà, khai trương, khởi hành, . . . đều sử dụng các giờ Âm lịch sụt lại 1 giờ so với Bảng vừa ghi trên, kể ra như sau:
Giờ Mẹo: từ 5 giờ tới 7 giờ sáng.
Giờ Thìn: từ 7 giờ tới 9 giờ sáng.
Giờ Tỵ: từ 9 giờ tới 11 giờ trưa.
Giờ Ngọ: từ 11 giờ tới 13 giờ trưa. vv . . . .
Tại sao có việc sụt lại 1 giờ như vậy?
Giờ Bắc Kinh của nước Trung Hoa thì đi trước giờ VN 1 giờ.

Tìm năm Âm lịch tương ứng với năm Dương lịch hay ngược lại:
Sau đây chúng ta có 2 Bảng để tìm năm Âm lịch tương ứng năm Dương lịch, hay ngược lại: Bảng I các năm trước Công nguyên (tức trước Chúa Giáng sinh) và Bảng II sau Công nguyên. Cả 2 bảng đều căn cứ vào năm thứ 1 Chúa Giáng sinh là năm Tân Dậu, cho nên năm -1 (trước Chúa Giáng sanh) là năm Canh Thân).

Thí dụ theo Bảng I trước Công nguyên: Tìm năm Âm lịch tương ứng với năm 2852 trước Công nguyên là năm vua Phục Hy lên ngôi.
Cách tính: Đem 2852 chia cho 60 (chu kỳ Can Chi), ta được: 2852 = 47 x 60 + 32 → Số dư của phép chia là 32.
Lấy số dư 32 nầy, dò lên bảng, ta thấy số 32 ứng với Can là Kỷ và Chi là Sửu. Vậy năm 2852 t. C.n. là năm Kỷ Sửu.
Thí dụ theo Bảng II trước Công nguyên: Tìm năm Âm lịch tương ứng với năm 1940.
Cách tính: Lấy số 1940 chia cho 60, ta được: 32 với số dư là 20. Lấy số 20 dò lên bảng, ta thấy số 20 ứng với Can là Canh và ứng với Chi là Thìn. Vậy năm 1940 là năm Canh Thìn.
Thí dụ 2: Bài tính ngược lại: Tìm năm Dương lịch ứng với năm Bính Dần đầu thế kỷ 20.
Cách tính: Dò theo hàng Can để tìm chữ Bính, rồi dò theo hàng Chi để tìm chữ Dần,
ta được số 6 ứng với năm Bính Dần.
Số 6 nầy là số dư.
Ta đem số 6 nầy cộng với một bội số của 60, thế nào để cho số thành lớn hơn 1900
(vì điều kiện là đầu thế kỷ 20).
Ta thấy: 6 + 60 x 32 = 1926.
Vậy năm Bính Dần là năm 1926.
Lưu ý: Các bội số của 60 gần bằng với 1900 là: 1860, 1920, 1980.
· Nếu lấy số 1860 thì năm Bính Dần là 1866.
· Nếu lấy số 1920 thì năm Bính Dần là 1926.
· Nếu lấy số 1980 thì năm Bính Dần là 1986.
Điều kiện là đầu thế kỷ 20, nên ta chọn năm 1926.
Năm 1860 là cuối thế kỷ 19; năm 1986 là cuối thế kỷ 20, hai số nầy không phù hợp với điều kiện của đề bài, nên ta bỏ ra.
Trường hợp số dư là O:
Khi ta làm bài toán chia, ta có dư số là 0 thì chúng ta lấy số 60 mà dò trên bảng.

BẢNG I trước Công nguyên

Chi / Can	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Giáp	57		7		17		27		37		47	
Ất		56		6		16		26		36		46
Bính	45		55		5		15		25		35	
Đinh		44		54		4		14		24		34
Mậu	33		43		53		3		13		23	
Kỷ		32		42		52		2		12		22
Canh	21		31		41		51		1		11	
Tân		20		30		40		50		60		10
Nhâm	9		19		29		39		49		59	
Quý		8		18		28		38		48		58

BẢNG II sau Công nguyên

Chi / Can	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Giáp	4		54		44		34		24		14	
Ất		5		55		45		35		25		15
Bính	16		6		56		46		36		26	
Đinh		17		7		57		47		37		27
Mậu	28		18		8		58		48		38	
Kỷ		29		19		9		59		49		39
Canh	40		30		20		10		60		50	
Tân		41		31		21		11		1		51
Nhâm	52		42		32		22		12		2	
Quý		53		43		33		23		13		3

Viet Nam - Patrimoine mondial de l'humanité (UNESCO).
· Complex of Huế Monuments (1993)
· Hạ Long Bay (1994 , 2000)
· Hội An Ancient Town (1999)
· Mỹ Sơn Sanctuary (1999)
· Vườn Quốc Gia **Phong Nha - Kẻ Bàng** (Quảng Bình) National Park (2003)

Phiên-âm tiếng Trung Hoa - Système d'alphabet phonétique chinois (pynyin)

The **Pin-Yin Romanization** method has generally replaced the older **Wades-Giles method** for attempting to romanize the Chinese language. This system has been officially used since 1958 and was introduced by the People's Republic of China. It is yet another attempt at teaching Chinese pronunciation to foreigners. For the most part, Pin-Yin is better for most words than previous romanization attempts...but as with other attempts, there are certain words which do not translate well. Any system is useful only after a significant study of the system rules. After mastering the Pin-Yin system, it can be used to accurately pronounce most Chinese words (as long as the Chinese words are spelling out in the Pin-Yin system with the correct tone markings).
Pin-Yin spelling is used extensively on signs and posters throughout China although they seldom use the accent marks that are needed to reproduce the tones of the language. Almost all Western newspapers, such as the New York Times and Wall Street Journal have adopted the Pin-Yin spelling to render Chinese names and terms

Thông thường, trong các sách bằng tiếng Anh và Pháp, các tác giả/dịch giả phương Tây thường phiên âm chữ Hán theo hệ thống của **Wade Giles (Thomas Wades & Herbert Giles).**
Họ thường không đánh dấu thanh hoặc đánh không chuẩn xác, như trong trường hợp của hệ thống phiên âm tiêu chuẩn Bắc Kinh của Trung Quốc. Vì thế, cách phiên âm danh từ riêng Trung Quốc trở nên thiếu nhất quán, ví dụ tên của một bậc đại sư Trung Hoa lừng danh có ít nhất 6 cách phiên âm bất đồng theo hệ thống của Wade Giles: Huan Chwuang, Yuén Chwàng, Hiuen Tsiang, Hsuan Chwuang, Hhuen Kwân hoặc Yuan Chwuang tuỳ theo cách đọc của các học giả, như Mayers, Wylie, Beal, giáo sư Legge, giáo sư Bunjiu Nanjio và của Thomas Watters. Chưa kể cách phiên âm theo cách đọc của người Pháp như Hiouen Thsang hoặc Youan Thsang mà trong một số tác phẩm vẫn sử dụng. Cách phiên âm không nhất quán như vậy làm cho người đọc không biết từ nào là chuẩn xác nhất và rất bất tiện khi tra lại từ gốc nếu không có kiến thức thật tốt về Hán ngữ.